

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG**  
**THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**AN GIANG - NĂM 2021**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG  
**THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ngô Thị Kiều Huệ	Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
2	Võ Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng, phó chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
3	Lâm Thị Thanh Tâm	Giáo viên bộ môn Hóa, thư ký	Thư ký	
4	Trương Sơn	Phó Hiệu trưởng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
5	Lâm Mộc Tùng	Phó Hiệu trưởng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
6	Phạm Nam Điền	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên	
7	Mai Thị Thùy Trinh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên	
8	Huỳnh Thanh Hòa	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
9	Lê Thị Diễm Thương	Nhân viên Văn thư	Thành viên	
10	Ngô Văn Pháp	Nhân viên thiết bị	Thành viên	



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	6
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	10
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	15
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	15
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	18
<b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3</b>	18
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.</b>	18
Mở đầu	18
<b>Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.</b>	18
<b>Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.</b>	20
<b>Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.</b>	22
<b>Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.</b>	25
<b>Tiêu chí 1.5: Lớp học.</b>	27
<b>Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.</b>	28
<b>Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.</b>	31
<b>Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.</b>	33
<b>Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.</b>	35
<b>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.</b>	37
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i></b>	39
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.</b>	40
Mở đầu	40
<b>Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.</b>	40
<b>Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.</b>	42
<b>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.</b>	44
<b>Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.</b>	46

<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i></b>	48
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.</b>	49
<b>Mở đầu</b>	49
<b>Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.</b>	49
<b>Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.</b>	50
<b>Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.</b>	52
<b>Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.</b>	54
<b>Tiêu chí 3.5: Thiết bị.</b>	55
<b>Tiêu chí 3.6: Thư viện.</b>	57
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i></b>	59
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.</b>	59
<b>Mở đầu</b>	59
<b>Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.</b>	60
<b>Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.</b>	62
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b>	64
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.</b>	65
<b>Mở đầu</b>	65
<b>Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.</b>	65
<b>Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.</b>	68
<b>Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.</b>	70
<b>Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.</b>	71
<b>Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.</b>	73
<b>Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.</b>	75
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>	78
<b>II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4</b>	79
<b>Tiêu chí 1</b>	79
<b>Tiêu chí 2</b>	80
<b>Tiêu chí 3</b>	81
<b>Tiêu chí 4</b>	82
<b>Tiêu chí 5</b>	82
<b>Tiêu chí 6</b>	83
<b><i>Kết luận</i></b>	84

<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	<b>85</b>
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	<b>1</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
ATGT	An toàn giao thông
BCH	Ban chấp hành
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CMHS	Cha mẹ học sinh
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐDDH	Đồ dùng dạy học
GDDT	Giáo dục đào tạo
GV	Giáo viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HS	Học sinh
HSG	Học sinh giỏi
KT-XH	Kinh tế xã hội
KHKT	Khoa học kỹ thuật
NV	Nhân viên
PTTH	Phổ thông trung học
SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
TDTT	Thể dục thể thao
THPT	Trung học phổ thông
UBND	Ủy ban nhân dân

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	

**Kết quả:** Đạt mức 2

## 1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 01		X	
Khoản 02		X	
Khoản 03	X		
Khoản 04		X	
Khoản 05		X	

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 06	X		

**Kết quả:** Không đạt

**2. Kết luận:** Đạt mức 2

## Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Tên trước đây: THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Cơ quan chủ quản: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Tỉnh An Giang
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Châu Thành
Xã / phường/thị trấn	Ấp Hòa Long 3, thị trấn An Châu
Đạt CQG	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	01/09/1995
Công lập	x
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Ngô Thị Kiều Huệ
Điện thoại	02963836231
Fax	
Website	<a href="http://thpt-nguyenbinhkhiem-angiang.edu.vn/">http://thpt-nguyenbinhkhiem-angiang.edu.vn/</a>
Số điểm trường	01
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

### 1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Khối lớp 10	15	15	15	14	15
Khối lớp 11	15	15	15	14	14
Khối lớp 12	14	15	15	15	14
<b>Cộng</b>	<b>44</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>43</b>	<b>43</b>

### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
<b>I</b>	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	45	45	45	45	45	
1	Phòng học	38	38	38	38	37	
a	Phòng kiên cố	38	38	38	38	37	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	7	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	7	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>II</b>	Khối phòng hành chính - quản trị	9	9	9	8	8	
1	Phòng kiên cố	9	9	9	8	8	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	Thư viện	1	1	1	1	1	
<b>IV</b>	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0	
	<b>Cộng</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>54</b>	<b>54</b>	

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	3	0	0	0	2	1	
Giáo viên	97	61	2	0	85	12	
Nhân viên	11	8	0	0	11	0	
<b>Cộng</b>	<b>112</b>	<b>70</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>98</b>	<b>14</b>	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	103	102	104	99	97
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,34	2,27	2,31	2,3	2,3
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,07	0,06	0,06	0,06	0,06
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	33	41	35	53	58
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	1	0	0

### 4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1587	1681	1679	1702	1716	
	- Nữ	897	933	961	980	1009	

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
	- Dân tộc thiểu số	1	3	2	3	1	
	- Khối lớp 10	579	600	565	591	622	
	- Khối lớp 11	537	563	567	553	553	
	- Khối lớp 12	471	518	547	558	541	
2	Tổng số tuyển mới	585	599	576	580	644	
3	Học 2 buổi/ ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp	36,07	37,36	37,31	39,58	39,91	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	1587	1681	1679	1702	1716	
	- Nữ	897	933	961	980	1009	
	- Dân tộc thiểu số	1	3	2	3	1	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có)	0	24	29	19	14	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có)	0	0	1	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	76	125	115	84	87	
	- Nữ	51	83	76	59	57	
	- Dân tộc thiểu số	1	2	1	2	1	
11	Tổng số học sinh(trẻ em) có hoàn	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
	cảnh đặc biệt						
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	31,73	30,69	35,26	33,79	41,23	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	39,66	45,24	46,87	44,02	42,6	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	2,15	0,97	0,24	0,72	0,82	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	94,83	94,54	95,83	94,47	97,38	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	4,64	4,97	3,39	4,75	2,04	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0,39	0,42	0,42	0,42	0,35	

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm với tên ban đầu là trường PTTH Châu Thành được thành lập vào 15/8/1983, gồm 2 phân hiệu: ở Cần Đăng và Quản Cơ Thành. Đến năm học 1985-1986 nhập lại thành một điểm tại vị trí như hiện nay - cấp quốc lộ 91, ấp Hòa Long 3, thị trấn An châu, huyện Châu thành, tỉnh An Giang.

Năm 1991 có sáp nhập Cấp 2 An Châu vào. Đến năm học 1995-1996 đổi tên thành trường Trung học Nguyễn Bình Khiêm theo quyết định số 734/QĐ.UB.TC, ngày 30/8/1995 của UBND tỉnh An Giang. Sang năm học 2000-2001 lại đổi tên thành trường THPT Nguyễn Bình Khiêm theo quyết định số 2612/QĐ-UB-TC, ngày 28/12/2000 và tách Cấp 2 An Châu ra. Vào năm học 2008-2009 theo quyết định số 1423/QĐ-UBND, ngày 22/7/2008 của UBND Tỉnh sáp nhập trường THPT bán công Tiến Đức vào.

Nhà trường đã trải qua 6 thời kỳ lãnh đạo của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng hiện nay là Cô Ngô Thị Kiều Huệ, nhận nhiệm vụ từ ngày 01/12/2017.

Trong suốt thời gian qua, nhà trường đã có bước phát triển mạnh mẽ về nhiều mặt. Cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị phục vụ dạy học được tăng cường. Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) đảm bảo số lượng và cơ cấu. Tổ chức và hoạt động luôn được quan tâm đổi mới, đã tạo sự chuyển biến đáng kể về chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Năm học 2019 - 2020, trường có 112 CB, GV, NV. Trong đó: CBQL 04; GV 97; NV 11. Trường biên chế thành 12 tổ trong đó có 01 tổ văn phòng và 11 tổ chuyên môn. Đảng bộ nhà trường có 60 đảng viên sinh hoạt ở 03 chi bộ; Công đoàn cơ sở có 114 đoàn viên. Đội ngũ GV đủ về số lượng, cơ cấu cho tất cả các môn học; 100% đạt chuẩn, trong đó có 14 thạc sĩ. Hầu hết GV nhiệt tình, nhạy bén với những đổi mới của ngành, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và giáo dục toàn diện HS. Nhà trường có đủ các khối lớp, mỗi lớp không quá 45 HS; trường có 44 lớp với 1831 HS.



CSVC của nhà trường tương đối đầy đủ với khu hiệu bộ có bố trí phòng làm việc của CBQL, văn phòng, phòng y tế, phòng họp nội bộ, phòng GV. Khu chức năng gồm các phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh, phòng Lab - Tiếng Anh và Tin học; Thư viện rộng rãi, thoáng mát có phòng đọc dành riêng cho GV và HS. Có 2 cơ sở với 37 phòng học kiên cố được trang bị 08 Smart Tivi phục vụ tốt cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy và học. Có 06 nhà vệ sinh, 05 nhà vệ sinh HS; 01 nhà vệ sinh GV. Trường có cảnh quan sư phạm xanh – sạch – đẹp, sân trường rộng rãi, có 01 sân bóng đá mini và 01 sân bóng chuyên tạo sân chơi cho HS tập thể dục thể thao (TDTT).

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho Hội đồng trường, Ban lãnh đạo và tập thể công chức, viên chức, HS đưa ra những quyết định đúng đắn để phát triển nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường THPT Nguyễn Bình Khiêm là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Đảng, chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, cùng với các trường THPT trong tỉnh xây dựng ngành GDĐT An Giang phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực. Mục tiêu chiến lược của nhà trường là xây dựng nhà trường đoàn kết, thân thiện, có kỷ cương, nề nếp, có uy tín về chất lượng giáo dục, có mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

## **2. Mục đích TĐG**

Nhà trường xác định mục đích của việc tự đánh giá là để đơn vị tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu đối với các hoạt động giáo dục từ đó xây dựng các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục còn giúp cho CBQL, GV, NV hiểu biết thêm về công tác tự đánh giá. Tự đánh giá để nhận biết kết quả lao động giáo dục của chính đơn vị mình; tự đánh giá để chất lượng giáo dục ngày một hoàn hảo. Hoạt động tự đánh giá phải được tiến hành song song với hoạt động giáo dục diễn ra hằng ngày tại đơn vị, tạo động lực cho công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục phát triển tốt và bền vững trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa giữa các lợi ích: Nhà nước, nhà trường, xã hội và người học.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; trường THPT Nguyễn Bình Khiêm tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường cụ thể như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp thực hiện; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành; đánh giá mức độ cơ sở giáo dục phổ thông đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

Trong báo cáo tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng bộ Tiêu chí như một công cụ để xác định rõ tầm nhìn, điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức để từ đó xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền như lãnh đạo Phòng/Sở, chính quyền địa phương có biện pháp hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng dạy và học theo chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, nhà trường nhận thấy có một số tiêu chí khó thực hiện tốt vì một số nguyên nhân khách quan và phụ thuộc vào đặc điểm tình hình thực tế của đơn vị tại địa phương. Nhà trường sẽ tiếp tục có kế hoạch cải tiến trong thời gian tới.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

#### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

##### **Mở đầu:**

Qua nhiều năm xây dựng và phát triển, trường THPT Nguyễn Bình Khiêm ngày càng lớn mạnh cả về quy mô trường lớp, số lượng GV, HS, chất lượng đào tạo,...Kết quả đó là nhờ vào việc tổ chức và quản lý trong nhà trường theo kế hoạch và tầm nhìn chiến lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự vận hành của Hội đồng trường, của các tổ chuyên môn, hoạt động nhà trường tuân thủ theo các nguyên tắc quản lý nhà nước về hành chính, tài chính, tài sản, theo hướng dẫn của ngành, đảm bảo quy chế dân chủ và an toàn an ninh trường học.

#### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

##### **Mức 1:**

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

##### **Mức 2:**

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

##### **Mức 3:**

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

#### Mức 1 :

a) Kế hoạch chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015), định hướng phát triển KT - XH của địa phương theo từng giai đoạn. Đồng thời, Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường rất khả thi, dựa trên các nguồn lực bên trong và bên ngoài nhà trường như nhân lực, tài lực, trí lực. [H1-1.1-01]

b) Trong thời gian 5 năm từ 2015 đến 2020, nhà trường đã xây dựng được kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường 2011- 2016 và Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, đã được Sở GDĐT An Giang ra quyết định phê duyệt số 1569/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018.[H1-1.1-02];[H1-1.1-03]

c) Sau khi Kế hoạch chiến lược được phê duyệt đã được nhà trường niêm yết tại trường, thông tin đến toàn thể CB-GV-NV- HS đồng thời được đăng tải trên web trường theo địa chỉ: <http://www-thpt-nguyenbinhkhiem-angiang.edu.vn>

#### Mức 2 :

Hàng năm nhà trường đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường có sơ kết, tổng kết để đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2025. [H1-1.1-04]

#### Mức 3 :

Hàng năm khi xây dựng kế hoạch năm học, Hội đồng trường có dựa vào kế hoạch chiến lược để xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu trong năm, theo đó nhà trường có rà soát, điều chỉnh chủ yếu là các số liệu về quy mô, chất lượng đội ngũ, chất lượng chuyên môn sao cho phù hợp với tình hình thực tế. [H1-1.1-05]

Tuy nhiên, nhà trường chưa có văn bản bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Sở GDĐT phê duyệt.

### **2. Điểm mạnh**

Khi xây dựng kế hoạch chiến lược, nhà trường dựa vào nguồn lực bên trong, bên ngoài và trên thực tiễn của giai đoạn trước nên đã xác định rõ phương châm, tầm nhìn và hệ giá trị của nhà trường sao cho phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, đồng thời dễ thực hiện và hiệu quả

### **3. Điểm yếu**

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược chỉ thể hiện trên các kế hoạch năm học hàng năm, thiếu văn bản bổ sung để được Sở GDĐT phê duyệt. Đồng thời, trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược thì thiếu sự tham gia của HS, CMHS và cộng đồng.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu mỗi năm học, Hội đồng trường tổ chức việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường sao cho phù hợp với tình hình thực tế và gửi văn bản về Sở GDĐT để được phê duyệt.

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, khi xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh, Hiệu trưởng nhà trường mời đầy đủ các thành viên trong Hội đồng trường bao gồm CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng.(chính quyền địa phương) tham gia ý kiến.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ Điều lệ trường trung học được quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, nhà trường đã thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2017- 2022 gồm 01 Chủ tịch, 01 thư ký và 11 thành viên theo Quyết định số 1600/QĐ-THPT của Giám đốc Sở GDĐT An Giang ngày 02 tháng 12 năm 2017. Ngoài ra, hàng năm nhà trường có thành lập các hội đồng như: Hội đồng thi đua, khen thưởng;

Các hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học chấm chọn sáng kiến kinh nghiệm và các đề tài cải tiến; Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi; tổ tư vấn học đường. [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05];

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường được thực hiện tại khoản 3 - Điều 20, còn các hội đồng khác thì được quy định tại Điều 21 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về việc ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung học phổ thông có nhiều cấp học.

c) Hoạt động của các hội đồng định kỳ được thực hiện rà soát, đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ trường Trung học. [H1-1.2-06];

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường đã xây dựng được các quy chế, quy định của nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho từng cá nhân, bộ phận trong nhà trường thực hiện và giám sát, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn hoạt động khách quan, công tâm, ghi nhận sự đóng góp của từng cá nhân, đánh giá chính xác năng lực của CB-GV-NV, tạo niềm tin, động lực cho tập thể. Các hội đồng hoạt động có hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường thể hiện qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường. [H1-1.2-07];

## **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của điều lệ trường trung học, được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên khi có thay đổi về nhân sự.

Hội đồng trường tổ chức họp bàn theo qui định và căn cứ chức năng nhiệm vụ đã quyết định những vấn đề quan trọng của nhà trường trong từng năm học.

## **3. Điểm yếu**

Hội đồng tư vấn nhà trường hoạt động chưa mạnh, nhất là về lĩnh vực tư vấn học đường, do mới thành lập, thiếu con người có chuyên môn, hiện tại chỉ có 01 GV được tập huấn và có chứng chỉ; ngoài ra CSVC của nhà trường còn hạn chế, không có phòng để hoạt động tư vấn riêng mà đang dùng chung một góc tại Thư viện.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo, Đảng uỷ cùng Ban lãnh đạo tiếp tục phối hợp củng cố, phát huy có hiệu quả các hoạt động của các hội đồng trong nhà trường nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đặc biệt, quan tâm đến hội đồng tư vấn nhất là đào tạo, bồi dưỡng thêm đội ngũ làm công tác tư vấn học đường, bố trí thêm 01 người thuộc bộ phận Đoàn thanh niên dự các lớp tập huấn về tâm lý, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, ...do Sở GDĐT tổ chức

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học được cấp thẩm quyền ra quyết định thành lập, chuẩn y. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; c) Các tổ chức, đoàn thể hằng năm có xây dựng báo cáo tổng kết. Trong đó, có rà soát, đánh giá những việc đã làm được, chưa làm được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân tồn tại, đồng thời có kiến nghị, đề xuất, ý kiến tham mưu với cấp ủy, hiệu trưởng, cấp trên vì mục tiêu chung của nhà trường. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-09];

## Mức 2

a) Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm có Ban chấp hành (BCH) Đảng bộ gồm 7 đồng chí, có 3 Chi bộ trực thuộc, tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 60 người. Hoạt động của Đảng bộ tuân theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm qua, Đảng bộ nhà trường được Huyện ủy Châu Thành công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. [H1-1.3-11]; [H1-1.3-10];

b) Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có nhiều đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường như:

- Đảng bộ: hoạch định các chủ trương, kế hoạch, giải pháp phù hợp từng thời điểm nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao. [H1-1.3-12];

- Công đoàn: chăm lo đời sống CB-GV-NV cả vật chất lẫn tinh thần; bảo trợ HS có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với địa phương. [H1-1.3-08]

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: xây dựng các phong trào, hoạt động vui chơi thu hút HS giúp các em trở thành những thanh niên năng động, kỷ luật, nhiệt tình, có kỹ năng và tránh được các tệ nạn xã hội. [H1-1.3-07]

- Chi hội khuyến học: thông qua các hoạt động như vận động tài trợ, giới thiệu các loại học bổng, tiếp bước đến trường, bảo trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ phương tiện giao thông mà đã có tác động mạnh mẽ đến việc giảm thiểu tỷ lệ HS bỏ học hàng năm. [H1-1.2-07];

## Mức 3:



a) Trong 5 năm liên tiếp, Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm có 3 năm 2015, 2016, 2017 được công nhận "Trong sạch vững mạnh"; năm 2018 và 2019 được công nhận "Hoàn thành tốt nhiệm vụ". [H1-1.3-11]

b) Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường ngoài những đóng góp tích cực cho các thành tích của nhà trường còn quan tâm đóng góp có hiệu quả cho cộng đồng như:

- Công đoàn: năm 2015 được Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam; năm 2016: được Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam; năm 2017: nhận Cờ thi đua của Tổng LĐLĐ Việt Nam; năm 2018 được công nhận CĐCS vững mạnh; năm 2019 tiếp tục được công nhận CĐCS xuất sắc. [H1-1.3-14]; Hàng năm, Công đoàn thực hiện tốt công tác vận động CB-GV-NV tham gia ủng hộ quỹ an sinh xã hội, mỗi người 365.000 đồng/năm, nộp về cơ quan Mặt trận Tổ quốc huyện Châu Thành, số tiền này chủ yếu chăm lo cho người nghèo trong huyện; vận động CB-GV-NV tham gia hiến máu nhân đạo.[H1-1.3-15]; [H1-1.3-16]; - Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: được Tỉnh đoàn, Trung ương đoàn trao nhiều Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học. [H1-1.3-13];

Hàng năm, Đoàn thanh niên vận động đoàn viên, thanh niên, học sinh tặng lồng đèn cho thiếu nhi nghèo trong huyện thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn vui tết trung thu; tham gia thấp nền tri ân tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh nhân kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt,...[H1-1.3-17];

- Chi hội Khuyến học: hoạt động tốt mang lại nhiều điều kiện thuận lợi cho HS, kịp thời giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên chưa được Sở GDĐT An Giang và Hội khuyến học các cấp khen thưởng.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức và đoàn thể, mỗi tổ chức, đoàn thể đều có quy chế hoạt động và có những đóng góp hiệu quả cho thành tích của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Chi hội Khuyến học tuy có nhiều đóng góp cho hoạt động của nhà trường nhưng chưa có thành tích ghi nhận.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong các năm học tiếp theo, Đảng uỷ phát huy tốt hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động sáng tạo hơn, quan tâm đến quyền và lợi ích của CB, GV, NV và HS nhằm mang lại nhiều đóng góp hiệu quả cho hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Riêng Chi hội Khuyến học tiếp tục củng cố nhân sự, xây dựng kế hoạch hoạt động, quan tâm cả 2 lĩnh vực khuyến học và khuyến tài, cố gắng có thành tích.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

### **Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

#### **Mức 1:**

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

#### **Mức 2:**

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

#### **Mức 3:**

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

- a) Năm học 2019-2020, nhà trường có 43 lớp nên số lượng Ban lãnh đạo có 01 hiệu trưởng, 03 phó hiệu trưởng, theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ trường trung học, được Giám đốc Sở GDĐT An Giang ra quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. [H1-1.4-01]; [H1-

1.4-02]; b) Nhà trường có 11 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn, tổ văn phòng đúng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ trường trung học. Hằng năm, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn và tổ trưởng tổ văn phòng theo quy định. [H1-1.4-03]; c) Các tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động rõ ràng, các tổ sinh hoạt 02 lần/tháng về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác, theo bố trí của trường. Tổ văn phòng có kế hoạch công tác rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05];

#### Mức 2:

a) Tất cả các tổ chuyên môn đều có kế hoạch thực hiện các chuyên đề chuyên môn, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, ít nhất 1 chuyên đề/năm. [H1-1.4-06]; b) Theo định kỳ họp tổ, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có rà soát, đánh giá, điều chỉnh các biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và các biện pháp tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08];

#### Mức 3:

a) Trong nhiều năm qua, hoạt động của các tổ chuyên môn có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường như có học sinh giỏi cấp tỉnh các bộ môn, có GV đạt giải cấp tỉnh về đề tài sáng kiến kinh nghiệm (SKKN), đồ dùng dạy học (ĐDDH). Hằng năm, các tổ bộ môn được Sở GDĐT An Giang khen tặng giấy khen tập thể LĐTT. Hoạt động của tổ văn phòng góp phần phục vụ kịp thời cho các hoạt động giảng dạy tại trường nhưng còn hạn chế về thành tích. [H1-1.4-11]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10];

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.4-06]

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng quy định của Điều lệ trường trung học, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

### **3. Điểm yếu**

So với các tổ bộ môn thì tổ văn phòng còn hạn chế về thành tích của các phong trào, hội thi do ngành tổ chức nên chưa được công nhận tập thể Lao động tiên tiến.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc, quyền lợi, khen thưởng đối với các cá nhân tham gia phong trào, hội thi do ngành tổ chức để tất cả các tổ bộ môn, tổ văn phòng đều có cơ hội đạt thành tích cao. Riêng tổ văn phòng, Hiệu trưởng sâu sát hơn trong gợi ý chủ đề, hướng dẫn NV văn phòng viết SKKN, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hoặc sáng tạo các quy trình cải cách thủ tục hành chính,... để có điều kiện nâng cao thành tích cho tổ.

## **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

### **Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2019 - 2020, nhà trường có đủ các lớp của cấp học, cụ thể: Khối 10 có 15 lớp, khối 11: có 14 lớp, khối 12 có 14 lớp.[H1-1.5-01]

b) HS được tổ chức theo lớp, trung bình có 40,5 HS/lớp. Mỗi lớp được chia thành 6 tổ, trung bình mỗi tổ có từ 6 đến 7 HS. Cơ cấu tổ chức của lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó và 6 tổ trưởng được tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học. [H1-1.5-02]

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. [H1-1.5-02]

Mức 2:

Năm học 2019 - 2020, nhà trường có 43 lớp, số HS các lớp dao động từ 39 đến 43, đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 - Điều 15 của Điều lệ trường Trung học. [H1-1.5-03]

Mức 3:

Nhà trường có 43 lớp nhưng số HS ở hầu hết các lớp khối 10, 11 đều trên 40 em.[H1-1.5-01]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học, số lớp, số HS trên lớp, biên chế, tổ chức, cơ cấu HS trong lớp đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

## **3. Điểm yếu**

Số HS trên lớp không đều nhau, vẫn còn tình trạng số HS trên lớp đông (trên 40 em), nhất là ở khối 10, 11.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục căn cứ vào Điều lệ trường trung học để thực hiện biên chế, tổ chức số lớp học của cấp học không quá 45 lớp; Đồng thời, tham mưu với lãnh đạo Sở GDĐT tăng số lớp ở khối 10, 11 để có thể điều chỉnh giảm số HS trên lớp không quá 40 em.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ về quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Hồ sơ, chứng từ được lưu trữ đầy đủ theo quy định, được cập nhật đầy đủ, khoa học.[H1-1.6-01];[H1-1.6-02]

b) Hằng năm, đơn vị có xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, sau khi có quyết định giao dự toán của cấp trên, đơn vị thực hiện công khai dự toán, đồng thời, thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính, tài sản đúng quy định.

Định kỳ thực hiện tự kiểm tra tài chính, tài sản, 2 lần/năm (vào tháng 01 và tháng 9).

Có xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ và được bổ sung cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các qui định hiện hành.[H1-1.6-03];[H1-1.6-04];[H1-1.6-05];[H1-1.6-06][H1-1.6-07]

c) Quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. [H1-1.6-08]

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. [H1-1.6-09]

b) Trong 5 năm liên tiếp không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản.[H1-1.6-08]

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường thông qua Đề án căn tin-xe đạp; Kế hoạch Dạy thêm-học thêm do trường tổ chức. Nguồn tài chính hợp pháp dùng hỗ trợ ngân sách, tu sửa cơ sở vật chất. [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11];

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính. Có lưu trữ các văn bản chỉ đạo tài chính của các cấp. Hệ thống hồ sơ, chứng từ được lưu giữ đầy đủ, khoa học, đảm bảo an toàn.

Nhà trường hàng năm đã tiến hành xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hợp lý, đúng quy định và sát với yêu cầu thực tế.

Nhà trường luôn thực hiện đúng và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí trong và ngoài ngân sách đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giáo dục, thực hiện đúng Luật ngân sách Nhà nước.

Nhà trường đã ứng dụng có hiệu quả CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Hệ thống Văn bản, Hướng dẫn thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng tài chính của trường; ảnh hưởng đến công tác cập nhật và lưu trữ các hồ sơ quản lý tài chính.

Trường có kế hoạch trung hạn tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, nhưng chưa khai thác hết nguồn lực đó.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bắt đầu từ năm học 2020-2021, trường tiếp tục xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm, có xem xét bổ sung và điều chỉnh qui chế cho phù hợp với thực tế, nguồn tài chính và điều kiện của nhà trường

Tiếp tục quan tâm cập nhật các văn bản mới về công tác quản lý tài chính, tài sản.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện các Đề án căn tin-xe đạp và Kế hoạch Dạy thêm-học thêm, đồng thời tăng cường công tác quản lý, giám sát.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

## **Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

### **Mức 1:**

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

### **Mức 2:**

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV, cụ thể là công tác bồi dưỡng thường xuyên và tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở GDĐT tổ chức.[H1-1.7-01]

b) Hằng năm, tùy theo tình hình thực tế nhà trường có phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý.

Trong Ban lãnh đạo luôn có sự phân công rõ ràng về nhiệm vụ và quyền hạn của từng cá nhân phụ trách, cụ thể là 01 Hiệu trưởng phụ trách chung, 01 phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, 01 phó hiệu trưởng phụ trách công tác ngoài giờ và 01 phó hiệu trưởng phụ trách CSVC. Hằng năm, nhà trường đều có quyết định phân công tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Bảng phân công nhiệm vụ cụ thể của GV, NV được công bố tại cuộc họp đầu năm của Hội đồng trường và được niêm yết công khai. Việc phân công này luôn đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường được tiến hành hiệu quả.[H1-1.7-02]

Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp phát sinh dư thêm giờ buổi, do các yếu tố khách quan: Giáo viên đi học, nghỉ bệnh, nghỉ hậu sản.

c) CBQL, GV và NV luôn được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành.[H1-1.7-03]

### **Mức 2**



Trong các kế hoạch năm học, nhà trường đều có xác định mục tiêu và biện pháp đẩy mạnh công tác phát triển đội ngũ CBQL, GV, cụ thể quan tâm xây dựng đội ngũ cốt cán, đội ngũ kế cận dự nguồn, nhất là lực lượng nữ để nâng cao chất lượng dạy học và quản lý; chú ý bổ sung dự nguồn sau đại học, khuyến khích mọi người tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ của chính mình; đẩy mạnh phong trào thi đua, tự học, tự bồi dưỡng, thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên, thao giảng chuyên đề, tham gia học tập nâng chuẩn.[H1-1.7-04];[H1-1.7-05];[H1-1.1-05][H1-1.7-06]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch với các giải pháp phù hợp thực tiễn, phát huy được tính năng động, sáng tạo của CB, GV, NV; ứng dụng hiệu quả các phần mềm tin học trong công tác quản lý CB, GV, NV.

Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, hạn chế thừa giờ nhiều.

Quyền lợi của GV được bảo đảm theo quy định.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng luôn nỗ lực thi đua xây dựng tổ tiên tiến.

## **3. Điểm yếu**

Số lượng giáo viên ở một số bộ môn thừa thiếu cục bộ (môn Hóa thừa 02 GV, môn Văn thiếu 02 GV, môn Địa thiếu 01GV,...)

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động các tổ bộ môn còn hạn chế.

Công tác tập huấn lại tại trường của các tổ bộ môn các chuyên đề về chuyên môn, ứng dụng CNTT, giáo dục đạo đức HS,... chưa đồng bộ do các yếu tố khách quan như: cơ sở vật chất (tivi), trình độ ứng dụng CNTT của giáo viên, sắp xếp thời gian còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Xây dựng biên chế hợp lý để giảm bớt thừa và thiếu giờ cục bộ: sắp xếp hợp lý trong việc cử giáo viên đi học lần lượt, phân công dạy thay hợp lý.

Từ năm học 2020-2021, tăng cường việc kiểm tra, giám sát, dự họp tổ chuyên môn, dự giờ, thăm lớp nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho GV.

Từ năm học 2020-2021, tăng cường kiểm tra việc tổ chức tập huấn tại trường các chuyên đề về chuyên môn, ứng dụng CNTT, giáo dục đạo đức HS,... để GV nâng cao trình độ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

### **Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT An Giang, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của ngành và đặc điểm tình hình của đơn vị. Kế hoạch năm học cùng với các chỉ tiêu được thông qua tại Hội nghị Cán bộ - viên chức. [H1-1.1-05];[H1-1.8-01]

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục: hoạt động chuyên môn, hoạt động ngoài giờ lên lớp, kế hoạch hoạt động của các tổ bộ môn, các kế hoạch thực hiện các phong trào,... [H1-1.8-02];[H1-1.8-03];[H1-1.8-04]

c) Các bộ phận, tổ chuyên môn rà soát, đánh giá về việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, học kì để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế. [H1-1.4-08]; [H1-1.8-05]; Mức 2

Cùng với kế hoạch năm học, hằng năm nhà trường có các kế hoạch, biện pháp chỉ đạo trong chương trình công tác tháng, trong đó mỗi tháng đều có 2 loại chuyên đề được kiểm tra song song như chuyên đề hành chính và chuyên đề chuyên môn. Nhà trường kịp

thời chỉ đạo trong công tác ôn tập học kì, ôn thi tốt nghiệp, bồi dưỡng học sinh giỏi, đơn đốc, đẩy mạnh phong trào thi đua trong toàn thể giáo viên. Kết quả trong 5 năm trở lại đây, nhà trường đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua của Ngành. [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07];[H1-1.4-11];

Thực hiện theo nguyện vọng của Cha mẹ học sinh (CMHS) và HS, nhà trường có tổ chức dạy thêm, học thêm. Việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 5 năm 2012, quyết định số 08, 04 của UBND tỉnh An Giang và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT An Giang. [H1-1.8-08];

Tuy nhiên, do qui chế chi tiêu nội bộ không cho phép nên việc tuyên dương, khen thưởng còn hạn chế. Chưa có biện pháp xử lý các cá nhân và bộ phận thực hiện nhiệm chưa đạt hiệu quả.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, tập thể CB, GV, NV cũng như các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã đoàn kết cố gắng thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã đề ra.

Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên.

## **3. Điểm yếu**

Có thực hiện sơ, tổng kết nhưng còn thiếu mảng tuyên dương, khen thưởng, phê bình các cá nhân, bộ phận.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai có hiệu quả việc quản lý các hoạt động giáo dục đúng theo quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Từ năm học 2020-2021 , trường xây dựng lại qui chế chi tiêu nội bộ, kịp thời phục vụ công tác tuyên dương, khen thưởng.

Đề ra các bước cụ thể trong việc phê bình các cá nhân và bộ phận, công khai trong toàn thể GV-NV.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) CBQL, GV, NV của nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Cụ thể, đóng góp ý kiến trong Hội nghị viên chức đầu năm, các kì họp Hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn; đóng góp ý kiến xây dựng quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm. [H1-1.9-01]; [H1-1.8-01]; [H1-1.2-06]; b) Trường có hộp thư góp ý đặt tại văn phòng Đoàn, có giáo viên kiêm nhiệm Tư vấn học đường, kịp thời giải đáp thắc mắc và nắm được tâm tư, tình cảm của học sinh, từ đó đưa ra hướng giải quyết kịp thời. Có bộ phận tiếp dân (Ban giám hiệu, Ban Thanh Tra nhân dân, nhân viên văn phòng), các kiến nghị, phản ánh của GV, NV, CMHS và HS đều được giải quyết kịp thời, đúng qui định và đúng pháp luật.[H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05];

c) Hằng năm, có xây dựng quy chế dân chủ , lấy ý kiến từ giáo viên và có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.9-02]; . Tuy nhiên, một số GV, NV ít tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng nội quy, quy chế, kế hoạch, chủ trương của nhà trường.

## Mức 2

Các hoạt động của nhà trường đều đảm bảo thực hiện đúng theo Quy chế dân chủ cơ sở (Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2016/TT-BNV của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, Hướng dẫn số 04/HD-CĐN, ngày 05/9/2015 của Công đoàn ngành Giáo dục An Giang). Nhà trường có bảng công khai Quy chế dân chủ cơ sở đặt vị trí trước phòng GV, được Thanh tra nhân dân giám sát và báo cáo trong hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm và các báo cáo tổng kết của nhà trường. Lãnh đạo nhà trường luôn lắng nghe tâm tư, tình cảm, bức xúc,... của giáo viên, nhân viên, gặp gỡ, tìm hiểu và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên kịp thời, cho nên không có đơn thư, khiếu nại.[H1-1.2-07];

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện dân chủ trong các hoạt động. Giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Lãnh đạo nhà trường luôn lắng nghe tâm tư, tình cảm, bức xúc,... của giáo viên, nhân viên, gặp gỡ, tìm hiểu và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên kịp thời; tinh thần phê bình và tự phê bình được tập thể phát huy. Nhờ thế, tập thể ngày càng thấu hiểu, chia sẻ, đồng thuận và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, quan tâm và xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong tập thể nhà trường.

Tập thể CB, GV, NV nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở. Không có đơn thư, khiếu nại

### **3. Điểm yếu**

Một số GV, NV ít tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng nội quy, quy chế, kế hoạch, chủ trương của nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy tốt vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, bộ phận trong nhà trường; phát huy tính dân chủ trong CBQL, GV và NV; đưa ra nhiều biện pháp kích thích sự đóng góp ý kiến nhiệt tình của GV, NV.

## **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

### **Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

#### **Mức 1:**

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

#### **Mức 2:**

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Đầu năm học, nhà trường có xây dựng các kế hoạch cụ thể về đảm bảo an toàn giao thông (ATGT), an toàn an ninh trật tự; phòng chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; b) Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại của nhà trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường có lực lượng bảo vệ cơ quan đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường.[H1-1.9-05]; [H1-1.10-03];[H1-1.2-07]; c) Trong đơn vị không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-04];

## Mức 2

a) Nhà trường đã phổ biến dưới cờ, các tiết sinh hoạt lớp, trong các cuộc họp, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-05];

b) Nhà trường có thành lập đội phòng chống bạo lực học đường để thu thập thông tin và các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07];

Tuy nhiên, còn một số ít HS chưa kiểm chế tốt cảm xúc trong việc giải quyết mâu thuẫn.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống bạo lực, tệ nạn xã hội, dịch bệnh,... tạo môi trường học tập thân thiện cho HS toàn trường. Việc phối hợp với lực lượng chức năng tại địa phương ngày càng phát huy hiệu quả, bảo đảm an toàn cho HS và cho CB, GV, NV trong nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

## 3. Điểm yếu

Còn một số ít HS chưa kiểm chế tốt cảm xúc trong việc giải quyết mâu thuẫn.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp giữa nhà trường và lực lượng công an các xã trên địa bàn huyện, duy trì an ninh trật tự, đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV; phát huy vai trò tổ tư vấn học đường, NV y tế trường học, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công tác quản lý, tư vấn, hỗ trợ HS nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng tránh các hiểm họa thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội; tổ chức các buổi diễn tập phòng chống cháy nổ, đọc bài tuyên truyền trong các buổi phát thanh học đường,... Hằng năm, nhà trường tăng cường phối hợp giữa gia đình và xã hội tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức rèn luyện đạo đức HS; phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm (GVCN) trong công tác quản lý, hỗ trợ HS; tổ chức cho HS và CMHS ký cam kết không vi phạm về bạo lực học đường, về an ninh trật tự và ATGT. Trong từng năm học, tập thể nhà trường tiếp tục tích cực và thường xuyên phối hợp với các tổ chức ngoài nhà trường để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, giáo dục và liên kết với ban đại diện CMHS một cách thiết thực và hiệu quả nhất nhằm hạn chế tình trạng HS vi phạm quy định về ATGT.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Tổ chức và quản lý trong nhà trường là hoạt động vô cùng quan trọng, quyết định sự phát triển của nhà trường. Để tổ chức hoạt động có hiệu lực, hiệu quả nhà trường cần có bộ máy vận hành tốt, có sự đồng bộ, hợp pháp, hợp lý. Do đó, nhà trường thực hiện tốt cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành hoạt động, số lớp học, số HS theo chuẩn, thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tầm nhìn chiến lược và hoạch định chiến lược sự phát triển của nhà trường,... Quản lý nhà nước tại trường thực hiện đúng quy định, thực hiện tốt các phong trào thi đua của ngành.

##### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

##### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%



- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/5 - Tỉ lệ: 60%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/5 - Tỉ lệ: 40%

## **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Trong hệ thống các trường THPT trực thuộc Sở GDĐT An Giang thì Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm có quy mô số lớp và số lượng HS lớn nhất nên nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp và của Sở GDĐT An Giang. Trong đó, đội ngũ CBQL, GV và NV không ngừng được bổ sung, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nên đến nay đã đủ về số lượng, 100% CBQL, GV, NV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có tay nghề vững vàng, tận tâm tận lực với sự nghiệp GDĐT của nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở từng vị trí, tạo sức mạnh tổng hợp tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường.

### **Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng đều có trên 15 năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý, đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học.[H2-2.1-03]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng của trường trung học.[H2-2.1-04]; c) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hàng năm đều được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng thường xuyên và chuyên môn, nghiệp vụ. Cả 04 người đều được đào tạo qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có chứng chỉ.[H2-2.1-05]; [H2-2.1-06];

Mức 2:

a) Từ năm 2016 đến nay, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá đều đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở lên. [H2-2.1-04]

b) Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng được đào tạo về trình độ lý luận chính trị và đã được cấp bằng Trung cấp lý luận chính trị. Đồng thời, hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị trong hè. Ban giám hiệu nhà trường được GV-NV ủng hộ và tín nhiệm.[H2-2.1-09]; [H2-2.1-07]; [H2-2.1-08];

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp, hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng loại khá, năm 2017 có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được đánh giá tốt, năm 2018 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được đánh giá tốt, năm 2020 Hiệu trưởng được đánh giá tốt.[H2-2.1-04]

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hội tụ đủ các điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn nghiệp vụ và sức khỏe để đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

### 3. Điểm yếu

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

CBQL tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được, không ngừng học hỏi, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt tham gia các lớp học ngoại ngữ để nâng cao năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

#### Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

*a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn*

*nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

a) Năm học 2019-2020, trường có 43 lớp, số lượng GV là 97 người với đủ các bộ môn đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để đảm bảo thực hiện chương trình và tổ chức các hoạt động giáo dục. [H2-2.2-01];

b) Theo quy định của Điều lệ trường trung học, GV THPT phải có trình độ Đại học sư phạm, theo đó nhà trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo. [H2-2.2-02];

c) Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp của GV năm 2019-2020 theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên. [H2-2.2-03];

### **Mức 2:**

a) Từ năm 2016 đến nay, tỉ lệ GV trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và hiện nay đạt tỉ lệ 13,86%. [H2-2.2-04];

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên, trong đó có trên 60% đạt mức khá (đánh giá theo Thông tư 30 và Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018). [H2-2.2-05];

c) GV của trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, hướng nghiệp, hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT ở các bộ môn Toán, Lý, Tin, Sinh. Trong thời gian 5 năm trở lại đây, trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-06];

### **Mức 3:**

a) Từ năm học 2015 - 2016, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV của nhà trường luôn đạt tỷ lệ trên 90% loại khá nhưng chỉ có 02 năm học gần đây có trên 30% GV đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt (không liên tiếp). [H2-2.2-05]

b) Nhà trường có 02 GV tham gia nghiên cứu khoa học và có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh trong năm 2017. Nhưng trong 05 năm liên tiếp thì không.

## **2. Điểm mạnh**

GV đủ về số lượng và cơ cấu; 100% đạt trình độ chuẩn đào tạo trở lên và được phân công giảng dạy đúng chuyên môn. Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, hướng nghiệp cho HS, hướng dẫn các em nghiên cứu khoa học. GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên có tỉ lệ cao.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường còn 01 GV chậm tiến bộ, trong 03 năm liên tiếp kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV luôn ở mức đạt. Tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp và chưa ổn định. Hoạt động nghiên cứu KHKT còn hạn chế ở các bộ môn thuộc khối xã hội.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hướng dẫn và thực hiện nghiên cứu khoa học cho HS nhất là ở các bộ môn thuộc lĩnh vực xã hội nhằm tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới. Đồng thời, phân công các tổ trưởng chuyên môn có biện pháp đôn đốc, nhắc nhở, giúp đỡ, động viên GV trong tổ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao để đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên và duy trì ổn định tỉ lệ GV đạt mức tốt (trên 30%).

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2019-2020, nhà trường có 11 NV làm công tác hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đáp ứng nhiệm vụ được giao như NV kế toán, thủ quỹ, văn thư, giáo vụ, y tế, thiết bị, thư viện, bảo vệ, phục vụ. Không có GV kiêm nhiệm các hoạt động hỗ trợ này. [H2-2.3-01];

b) 11 NV được hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và trình độ bản thân. [H2-2.3-02];

c) Qua các năm học tất cả NV của trường đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao thông qua kết quả đánh giá viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-TTg. [H2-2.3-03];

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu NV của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 8, Điều 10 của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập: 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 01 thư viện, 01 y tế, 02 thiết bị, thí nghiệm, 02 phục vụ và 02 bảo vệ. [H2-2.2-01];

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tất cả NV đều được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có NV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-03]

Mức 3:

a) Tất cả các NV của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, thư viện, kế toán, thủ quỹ, y tế, văn thư có trình độ trung cấp chuyên ngành, 2 NV

thiết bị có trình độ đại học chuyên ngành, 02 bảo vệ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ. [H2-2.3-04];

b) Hằng năm, các NV của trường được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Sở GDĐT hoặc của các ban ngành khác tổ chức.[H2-2.3-05];

## **2. Điểm mạnh**

- Nhà trường có đầy đủ số lượng NV theo quy định, được phân công công việc đúng theo năng lực, trình độ.

- Tất cả các NV của nhà trường đều có ý thức chấp hành sự phân công của lãnh đạo, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, thái độ phục vụ tốt.

## **3. Điểm yếu**

Các NV còn thiếu tinh thần sáng tạo trong công việc, có trường hợp ngôn phong thiếu chuẩn mực.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ NV phù hợp với vị trí việc làm và năng lực công tác nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của NV, uốn nắn, giáo dục NV khắc phục những hạn chế, khuyết điểm.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

### **Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

a) Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh lớp 10 đầu cấp đúng độ tuổi theo quy định (15 tuổi) tại Điều 37 Điều lệ trường trung học. [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02];

b) HS được thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ trường trung học như thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình; kính trọng người lớn; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội từ thiện; bảo vệ tài sản của nhà trường.[H2-2.4-03];

c) HS của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ trường trung học và các quy định khác, cụ thể các em được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập; được tham gia các hoạt động phát triển năng khiếu như thể thao, văn nghệ; được nhận các loại học bổng, các trợ cấp khác theo quy định. [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05];

### **Mức 2:**

Phần lớn HS chăm ngoan, có ý thức thực hiện nhiệm vụ và quyền của HS. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng HS hiểu lầm, xích mích, gây gổ,... dẫn đến hành vi chưa đúng, đã được nhà trường phát hiện kịp thời, có biện pháp giáo dục phù hợp nên có nhiều chuyển biến tích cực. [H2-2.4-06];

### **Mức 3:**

Hàng năm, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để HS tham gia các kỳ thi học sinh giỏi (HSG) cấp tỉnh, khu vực, quốc gia. Tham gia đầy đủ các phong trào do ngành tổ chức như: Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, KHKT, Hội thi ca múa nhạc, Hội khỏe Phù Đổng,... mang lại nhiều thành tích cao. Đặc biệt, số lượng HSG của trường thường cao và đạt so với chỉ tiêu đề ra. [H2-2.4-07];

## **2. Điểm mạnh**

Đa số HS chăm ngoan, chấp hành nội quy tốt, mang lại nhiều thành tích cho nhà trường.

## **3. Điểm yếu**



Cuối mỗi năm học, nhà trường vẫn còn khoảng 2 đến 4 HS chưa chăm, vi phạm nội quy, có hạnh kiểm loại yếu và phải rèn luyện trong hè.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn phương pháp tự học nhằm tạo động lực, hứng thú trong học tập đến HS; bộ phận Đoàn thanh niên phối hợp với bộ phận ngoài giờ đầu tư đổi mới, sáng tạo tổ chức các hoạt động vui chơi lồng ghép giáo dục kỹ năng, trải nghiệm; GVCN phối hợp chặt chẽ với các bộ phận trong nhà trường, với CMHS để kịp thời giáo dục, uốn nắn các em, nhằm hạn chế việc HS phải rèn luyện trong hè.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

CBQL, GV, NV đảm bảo 100% đạt chuẩn về chuyên môn đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình giảng dạy, có tinh thần đoàn kết, có ý thức tập thể xây dựng nhà trường vững mạnh, tham gia đầy đủ các hoạt động do cấp trên đề ra và luôn đạt kết quả cao.

HS đa phần chăm ngoan, có ý thức học tập, được đảm bảo tốt các điều kiện về học tập, góp phần xây dựng thêm nhiều thành tích cho nhà trường.

Tuy nhiên, số lượng GV "tầm vóc" trong đội ngũ còn ít, vẫn còn một số HS thực hiện chưa tốt các nội quy, quy định trong nhà trường về ngôn phong ứng xử, chấp hành luật lệ giao thông.

##### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

##### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

##### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/4 - Tỉ lệ: 50%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/4 - Tỉ lệ: 50%

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu:**

CSVC và trang thiết bị dạy học là yếu tố rất quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường luôn được sự quan tâm đầu tư của Sở GDĐT An Giang trong việc nâng cấp, sửa chữa CSVC. Nhiều công trình đã và đang được xây dựng, cải tạo như phòng học, nhà vệ sinh GV, HS nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động dạy và học. CSVC, trang thiết bị, thư viện nhà trường đảm bảo phục vụ các nhu cầu cơ bản của công tác dạy và học.

#### **Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

##### **Mức 1:**

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

##### **Mức 2:**

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

##### **Mức 3:**

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m<sup>2</sup>/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1:**

- a) Khuôn viên của trường trồng nhiều cây, được vệ sinh thường xuyên nên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]
- b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]

c) Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập có đủ các thiết bị tối thiểu để luyện tập TDTT và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập của trường với 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 02 sân đá cầu, cầu lông; 01 hố nhảy xa; sân trường rộng rãi, có diện tích đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường 15442 m<sup>2</sup>, tính theo đầu HS năm học 2019-2020 (1831 HS) đạt 8,43m<sup>2</sup>/HS. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích lớn hơn 25% tổng diện tích của trường. [H3-3.1-05]. Tuy nhiên vẫn còn 60% diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có diện tích mặt bằng tính theo đầu HS đúng quy định. Khuôn viên trường tách biệt với nhà dân, có tường rào bảo vệ; có cây xanh che phủ tạo bóng mát; hệ thống sân chơi, bãi tập, các trang thiết bị để tổ chức các hoạt động TDTT và các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường có 2 điểm trường (điểm chính và điểm phụ) luôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn.

## **3. Điểm yếu**

Đất điểm phụ (3046m<sup>2</sup>) và phần diện tích còn lại của điểm chính (7881m<sup>2</sup>) chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường sẽ lập hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho phần đất còn lại trong năm học 2020-2021. Khi được tỉnh đầu tư về CSVN cho trường chuẩn quốc gia thì trả lại điểm phụ cho UBND huyện Châu Thành.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 37 phòng học (29 điểm chính, 08 điểm phụ). Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với vóc dáng HS. Phòng học có bàn ghế của GV, có bảng viết, quạt, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày. [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Có đủ các phòng bộ môn theo quy định: 01 phòng Vật lý, 01 phòng công nghệ, 01 phòng Hoá học, 01 phòng Sinh học, 01 phòng Ngoại ngữ và 03 phòng Tin học.[H3-3.1-02];[H3-3.2-03]. Tuy nhiên một số trang thiết bị phòng bộ môn đã cũ, lạc hậu, sai số cao, không đáp ứng được yêu cầu học tập

c) Có phòng hoạt động Đoàn thanh niên, thư viện và phòng truyền thống. [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]

Mức 2

a) Các phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt theo chuẩn quy định tại thông tư 37/2008/BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ GDĐT. [H3-3.2-03]

b) Khối phục vụ học tập gồm phòng truyền thống, thư viện, phòng đoàn đội, tiền sảnh đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định. [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

### Mức 3

Các phòng học, phòng bộ môn (7 phòng) đều đạt chuẩn và có đầy đủ trang thiết bị dạy học theo quy định. [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

## **2. Điểm mạnh**

Có đủ phòng bộ môn theo quy định và được bố trí độc lập với dãy các phòng học. Có bàn ghế của GV, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát. Bàn ghế, hệ thống đèn quạt được thường xuyên kiểm tra sửa chữa, bổ sung. Có phòng Đoàn thanh niên, thư viện phục vụ HS và GV. Khối phục vụ học tập đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của nhà trường. Các phòng bộ môn đã đạt chuẩn theo quy định.

## **3. Điểm yếu**

Một số trang thiết bị phòng bộ môn đã cũ, lạc hậu, sai số cao, không đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 sẽ thực hiện mua sắm bổ sung, thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

#### Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

#### Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

#### Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 phòng làm việc của hiệu trưởng, 03 phòng làm việc của 3 phó hiệu trưởng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế, 01 phòng hành chính, 01 phòng GV, 01 phòng thư viện và 01 phòng hoạt động đoàn đảm bảo tốt các yêu cầu hoạt động hành chính-quản trị của nhà trường. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Nhà trường có 03 nhà xe dùng cho GV, NV và 03 nhà xe dành cho HS. Các nhà xe được bố trí một cách hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. [H3-3.3-03]. Tuy nhiên số nhà xe hiện có vẫn thiếu so với số lượng HS của trường.

c) Định kỳ hàng năm nhà trường đều có kế hoạch bảo trì và mua sắm để bổ sung các thiết bị cho khối hành chính - quản trị. [H3-3.3-04]

Mức 2:

Khối hành chính, quản trị, được xây dựng theo quy định; thoáng mát, có đủ ánh sáng, nước sạch phục vụ tốt cho các hoạt động của giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Căn tin rộng rãi, sạch sẽ và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

Mức 3:

Khối hành chính, quản trị có đầy đủ các trang thiết bị như bàn, ghế, tủ, máy tính, máy in và điện thoại, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H1-1.2-07];[H3-3.3-01]; [H3-3.3-07]. Tuy nhiên mái ngói và trần nhà đã xuống cấp.

### **2. Điểm mạnh**

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định; trang thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động hành chính. Nhà trường thường xuyên có kế hoạch rà soát, bảo trì, mua bổ sung những trang thiết bị cần thiết phục vụ cho khối hành chính - quản trị. Khu nhà xe rộng rãi, có đủ chỗ để xe cho GV toàn trường; được sắp xếp gọn gàng, trật tự.

### **3. Điểm yếu**

Mái ngói và trần nhà khu hành chính đã xuống cấp. Số nhà xe hiện có vẫn thiếu so với số lượng HS của trường.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tham mưu với Sở GDDT An Giang xây bổ sung nhà xe và cải tạo khu hành chính vào năm học 2020 - 2021 và các năm tiếp theo bằng nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và ngân sách.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

##### **Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có 06 nhà vệ sinh cho HS với 32 xí và 01 nhà vệ sinh cho GV với 06 xí. Khu vệ sinh cho nam, nữ, GV, NV, HS bố trí tách biệt, được vệ sinh thường xuyên, đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường [H3-3.3-05]; [H3-3.4-01]. Tuy nhiên số xí trên đầu học sinh vẫn còn thiếu so với quy định.

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch (nước máy) đủ nguồn nước đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

c) Nhà trường có tổ chức thu gom và phân loại rác thải, các thùng rác được bố trí ở các dãy phòng học một cách hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường. [H3-3.3-05]; [H3-3.4-02].

## Mức 2

a) Các nhà vệ sinh được bố trí tách biệt với các dãy phòng học, luôn bảo đảm sạch sẽ, không ô nhiễm. [H3-3.1-02]; [H3-3.3-05];

b) Hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT- BGDDT- BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học. [H3-3.1-02]; [H3-3.3-05]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà vệ sinh của nam nữ được bố trí riêng, luôn đảm bảo sạch sẽ và đầy đủ nước cho GV, NV và HS sử dụng. Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng; hệ thống thoát nước, việc thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

## 3. Điểm yếu

Số xí vệ sinh còn thiếu so với số lượng HS của trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ tiến hành cải tạo, nâng cấp các nhà vệ sinh hiện có đã xuống cấp. Tham mưu với Sở GDĐT An Giang xây bổ sung mới các nhà vệ sinh cho HS trong năm học 2020-2021 bằng nguồn ngân sách và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

## Tiêu chí 3.5: Thiết bị

### Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;



*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của đơn vị trong dạy học và quản lý. Mỗi vị trí việc làm đều được bố trí bàn, ghế làm việc; 01 máy tính, máy in và các thiết bị cần thiết khác. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]

b) Trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định tại thông tư số 01/2010/TT-BGDĐT ngày 18/01/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. [H3-3.2-04]

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, các tổ chuyên môn rà soát đề nghị sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học. [H3-3.5-01];[H3-3.5-02].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của trường được kết nối Internet với 3 line cáp quang tốc độ cao, phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học.[H3-3.5-03]

b) Trường có khá đầy đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học theo quy định. [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]. Tuy nhiên máy chiếu, Tivi màn hình lớn phục vụ việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy vẫn còn thiếu so với nhu cầu.

c) Hằng năm, nhà trường được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm .[H1-1.4-08]; [H3-3.5-04].

Mức 3:

Nhà trường khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm đáp ứng nhu cầu nội dung đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H1-1.4-08]; [H3-3.5-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường được trang bị khá đầy đủ về thiết bị và ĐDDH theo quy định; đảm bảo cho các hoạt động văn phòng và các hoạt động giáo dục học sinh. CB, GV khai thác tốt các phòng bộ môn, sử dụng tối đa thiết bị giáo dục, ĐDDH hiện có. Hàng năm đều có bổ sung các thiết bị dạy học tự làm.

## **3. Điểm yếu**

Máy chiếu, Tivi màn hình lớn phục vụ việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy vẫn còn thiếu so với nhu cầu.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tận dụng triệt để các trang thiết bị hiện có để giảng dạy. Từng bước mua sắm bổ sung máy chiếu, tivi màn hình lớn đặt tại các phòng học trong năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo bằng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có phòng thư viện riêng biệt, với diện tích 128m<sup>2</sup>, có phòng đọc dành riêng cho HS và GV; được trang bị 14009 bản sách giáo khoa, 6662 bản sách tham khảo, 1357 bản sách nghiệp vụ, báo, tạp chí, bản đồ... đảm bảo tối thiểu phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, dạy học của GV và HS.[H3-3.1-02]; [H3-3.6-01].

b) Thư viện hoạt động theo kế hoạch năm, tháng, các chuyên đề,...đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu, học tập tối thiểu cho GV, NV và HS. [H1-1.2-07]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Hàng năm đều được kiểm kê, bổ sung kịp thời sách báo, tranh, ảnh, tạp chí [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]. Tuy nhiên sách tham khảo vẫn còn thiếu so với quy định .

Mức 2:

Thư viện nhà trường được đánh giá đạt chuẩn theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. [H3-3.6-06];

Mức 3:

Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-01]; [H3-3.5-03]. Tuy nhiên chưa đạt chuẩn tiên tiến.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng thư viện riêng biệt, với diện tích 128m<sup>2</sup>, được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, máy tính được kết nối Internet... đảm bảo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, dạy học của GV và HS và đã được đánh giá đạt chuẩn.

### **3. Điểm yếu**

Sách tham khảo hiện tại chưa đủ so với quy định cả về số lượng và chất lượng.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường sẽ mua sắm bổ sung 1200 bản sách tham khảo trong năm học 2020-2021 bằng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường được trang bị khá đầy đủ về CSVC có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường theo quy định; có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn. Các phòng học, phòng bộ môn, khôi phục vụ học tập đảm bảo các trang thiết bị tối thiểu; đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế, phù hợp với vóc dáng HS. Việc quản lý, sử dụng các khối phòng học, phòng bộ môn nói trên thực hiện có hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành. Trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng theo quy định. Hệ thống mạng Internet đảm bảo phục vụ cho việc dạy và học. Thư viện trường và các phòng chức năng đã đạt chuẩn. Tuy nhiên, một số trang thiết bị dạy học, số xi vệ sinh và nhà xe vẫn còn thiếu so với nhu cầu.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/5 - Tỉ lệ: 0%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 5/5 - Tỉ lệ: 100%

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm thuộc địa bàn thị trấn, đời sống của nhân dân tương đối ổn định nên đa phần CMHS quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của con cái và luôn giữ được mối liên lạc với nhà trường; đồng thời tất cả CMHS thống nhất với nhà trường về mục tiêu, giải pháp giáo dục HS; HS chăm ngoan, lễ phép, biết vâng lời thầy cô. Ban đại diện CMHS công tâm, nhiệt tình với mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường cùng với GVCN thường xuyên chủ động giữ mối liên hệ chặt chẽ với gia đình, xã hội trong quá trình giáo dục HS và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

#### **Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm học, sau Khai giảng, các lớp tiến hành họp CMHS để bầu ra Ban đại diện của lớp gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên. Sau đó, nhà trường tiến hành Đại hội đại biểu CMHS để thành lập Ban đại diện CMHS trường. Ban đại diện CMHS trường cơ cấu gồm 01 trưởng ban, 03 phó ban và các ủy viên có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Điều lệ trường trung học và theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011. [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện CMHS có xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học. [H4-4.1-02]

c) Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện các hoạt động đúng tiến độ theo kế hoạch [H4-4.1-03]

Mức 2:

Ban đại diện CMHS trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường như: lễ Khai giảng, 20/11, lễ hội xuân, hội khỏe Phù Đổng, tri ân trưởng thành, tổng kết năm học, hỗ trợ tổ chức các kỳ thi, hội thi của HS; Phối hợp cùng với nhà trường trong việc trao quà "Tiếp bước đến trường" hàng năm nhằm góp phần giảm thiểu tỷ lệ HS bỏ học. Thông qua Ban đại diện các lớp, tuyên truyền trong CMHS những chủ trương của nhà trường trong từng năm học. [H4-4.1-04]

Mức 3:

Đối với xã hội, Ban đại diện CMHS trường phối hợp chưa hiệu quả.

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện CMHS lớp, trường tích cực hoạt động, nhiệt tình trong việc thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học, Thông tư 55 và kế hoạch hoạt động được xây dựng hàng năm.

Giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS có sự phối hợp thường xuyên trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và chăm lo cho HS.

## **3. Điểm yếu**

Còn tình trạng CMHS thiếu sự quan tâm đến việc học của con cái, giao hết trách nhiệm cho nhà trường nên trong năm học không đến trường dự họp cho con, do đó ảnh hưởng đến sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện CMHS lớp, trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm theo đúng quy định tại Thông tư 55; phối hợp với Ban đại diện CMHS các lớp cải tiến chất lượng các buổi họp CMHS nhằm thu hút sự quan tâm của CMHS, khắc phục tình trạng vắng không họp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục, thông qua kế hoạch này nhà trường đã thể hiện sự tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. [H4-4.2-01]

b) Để thực hiện thành công Kế hoạch tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục, ngoài việc tham mưu với lãnh đạo địa phương, nhà trường còn có công văn gửi đến đài phát thanh huyện Châu Thành để vận động HS đến trường theo lịch tựu trường thông qua hệ thống

phát thanh của các xã, thị trấn trong huyện. Đồng thời, nhà trường còn có tờ trình và danh sách những HS lưu ban, bỏ học theo địa bàn gửi về các xã, thị trấn phối hợp vận động HS trở lại trường.[H4-4.2-02]

c) Trong Kế hoạch Thắt hành động vì sự nghiệp giáo dục hàng năm, nhà trường có thực hiện công tác chăm lo HS, cụ thể là chăm lo cho HS nghèo, cận nghèo, mồ côi, dân tộc, hoàn cảnh khó khăn,...có đủ điều kiện để đến trường trong năm học mới nên nhà trường đã chủ động tham mưu sự đóng góp của Ban đại diện CMHS, huy động các nguồn tập, viết, xe đạp, tiền từ các mạnh thường quân, các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các cựu HS. [H4-4.1-05]

Mức 2:

Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường về mục tiêu phát triển CSVC và trang thiết bị dạy học, nhà trường đã gửi nhiều tờ trình về Sở GDĐT An Giang xin chủ trương sửa chữa phòng học, khu hiệu bộ, xây dựng mới nhà vệ sinh cho GV - HS; mua sắm các trang thiết bị như màn hình máy vi tính, TV phục vụ cho dạy học và đã được Sở chấp thuận, đồng thời nhà trường cũng đã tiến hành đúng theo kế hoạch đã đề ra.[H4-4.2-05];

Mức 3:

Nhà trường phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, tổ Nữ công, Đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn và ngoài nhà trường như Huyện đoàn Châu Thành, Phòng tư pháp huyện Châu Thành, trung tâm TDTT huyện Châu Thành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Châu Thành, các trường phổ thông,... tổ chức các hoạt động giao lưu với nhiều nội dung thiết thực, hiệu quả nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như: thấp nển tri ân 27/7, các buổi nói chuyện nhân dịp ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; toạ đàm ngày 20/11, 08/03; hội trại, về nguồn, tham quan học tập các điểm di tích lịch sử trong và ngoài tỉnh nhân ngày 26/3... Những hoạt động trên gây ấn tượng tốt đẹp với CB, GV, NV và có ý nghĩa sâu sắc với HS trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc. [H4-4.2-03];[H4-4.2-04];[H1-1.3-17];

## **2. Điểm mạnh**



Nhà trường đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, với Ban đại diện CMHS để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục.

### **3. Điểm yếu**

Việc tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo, vào đầu năm học nhà trường tăng cường công tác phối hợp với Đài truyền thanh Huyện, chính quyền các xã, thị trấn trong việc tuyên truyền, vận động học sinh đến trường; phổ biến kế hoạch giáo dục của nhà trường; nói rõ tầm quan trọng của giáo dục trong cộng đồng, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nữa kế hoạch giáo dục của nhà trường.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả với các lực lượng xã hội để tăng cường hoạt động khuyến học, khuyến tài. Các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, hội Khuyến học các cấp trên địa bàn, Ban đại diện CMHS, các cá nhân, các nhà hảo tâm, đã kịp thời, động viên giúp đỡ nhiều HSG, HS nghèo vượt khó, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Công tác xã hội hoá giáo dục đã thu được một số kết quả tích cực góp phần đầu tư xây dựng CSVC, cảnh quan nhà trường. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã được duy trì chặt chẽ, thường xuyên.

#### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

#### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

#### **Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 1/2 - Tỉ lệ: 50%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 1/2 - Tỉ lệ: 50%

## **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

### **Mở đầu:**

Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm lấy hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là thước đo cho chất lượng của đơn vị. Từ quan điểm này, nhà trường đã thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Sở GDĐT An Giang, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục trong nhà trường đảm bảo đáp ứng cho nhiều đối tượng HS khác nhau; đảm bảo hình thức và nội dung giáo dục phong phú thông qua giáo dục địa phương, thông qua các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sống cho HS. Nhờ đó, kết quả giáo dục toàn diện của đơn vị luôn được giữ vững.

### **Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

#### **Mức 1:**

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

#### **Mức 2:**

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

#### **Mức 3:**

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

a) Nhà trường có đủ cơ sở GV ở các bộ môn cũng như tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo quy định của Bộ GDĐT về chương trình giáo dục cấp THPT, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.4-04];

b) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn cũng như GV các bộ môn thường xuyên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, ứng dụng CNTT, tích cực sử dụng ĐDDH. Yêu cầu bài học phải phù hợp với đối tượng HS, có nhiều liên hệ có thể vận dụng vào thực tiễn, hướng dẫn HS cách tự học, tự nghiên cứu.[H1-1.8-02];

c) Nhà trường yêu cầu GV các bộ môn đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, linh động trong các giờ học, các bài kiểm tra định kỳ được kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp đối tượng. [H1-1.8-02];

### **Mức 2:**

a) Hàng năm nhà trường giao cho các tổ, nhóm chuyên môn rà soát, chủ động xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện đúng theo chương trình đã được phê duyệt. Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, phân loại đối tượng đã được thể hiện trong giáo án của GV được tổ trưởng chuyên môn ký duyệt trước khi lên lớp. Trong mỗi bài soạn GV thiết kế một số câu hỏi, bài tập nhằm phát triển tư duy sáng tạo, mở rộng kiến thức dành riêng cho từng đối tượng HS.[H1-1.4-07];

b) Vào đầu các năm học, nhà trường yêu cầu GV giảng dạy các bộ môn kết hợp với GVCN lớp kiểm tra, rà soát lựa chọn ra những HS có năng khiếu ở các môn học văn hóa cũng như năng khiếu văn nghệ, thành lập đội tuyển để phân công GV bồi dưỡng. Chỉ đạo chuyên môn tổ chức dạy kèm, phụ đạo thêm cho HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

### **Mức 3:**

Hàng năm, nhà trường thực hiện tốt việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.[H1-1.4-08]; [H1-1.2-07];

## **2. Điểm mạnh**

Hầu hết các tổ chuyên môn đã chủ động xây dựng và thực hiện chương trình theo sự chỉ đạo của Hội đồng bộ môn, ban lãnh đạo nhà trường và các văn bản hướng dẫn của ngành giáo dục.

Việc thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học và tích cực ứng dụng CNTT, sử dụng có hiệu quả ĐDDH, tổ chức các hình thức giáo dục đa dạng gắn với nội dung bài học được nhiều GV vận dụng linh hoạt thu hút HS tham gia tích cực nâng cao hiệu quả các tiết học.

Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu các môn học cũng như các lĩnh vực khác kịp thời nhằm để các em phát huy hết khả năng của mình. Việc kèm cặp, phụ đạo cho HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được GVBM, GVCN các lớp và Đoàn thanh niên quan tâm tổ chức thực hiện trong suốt năm học.

## **3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn còn nặng nề về công tác hành chính, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học chưa được nhiều

Tổ chuyên môn hoạt động không đồng đều, một số tổ xây dựng kế hoạch thực hiện còn chung chung chưa bám sát tình hình thực tế của nhà trường; Kết quả HSG hàng năm cũng không đều giữa các tổ mặc dù sự đầu tư của nhà trường là như nhau. Công tác phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập chưa đem lại kết quả như mong muốn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tổ chuyên môn đẩy mạnh việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo phương pháp nghiên cứu bài học, giáo dục STEM từ năm học 2019-2020 và các năm học sau.

Tổ chức học tập kinh nghiệm giữa các tổ bộ môn để cùng phát huy điểm mạnh và khắc phục các yếu kém.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2:

*Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.*

Mức 3:

*Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu năm học nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động trong đó có kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.1-05];

b) Nhà trường tổ chức thực hiện nhiều hoạt động để giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn như: nhận đỡ đầu HS khó khăn, hoạt động văn nghệ gây quỹ Khuyến học, khuyến tài, trao quà Tiếp bước đến trường [H5-5.2-01];[H4-4.2-01]; [H5-5.2-02]. Đồng thời, nhà trường còn tổ chức các hoạt động bồi dưỡng HSG, nghiên cứu KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, khỏe Phù Đổng để phát huy năng khiếu cho HS [H5-5.1-01]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực hỗ trợ HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện như phụ đạo HS yếu, thực hiện mô hình đôi bạn cùng tiến[H5-5.1-02];[H1-1.3-03]; .

c) Hằng năm, Ban lãnh đạo có thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, bên cạnh những thành tích đạt được cũng còn có những tồn tại, hạn chế nhất là vẫn còn HS chưa ngoan.[H1-1.2-07];

#### Mức 2:

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06]; [H5-5.2-07]; [H5-5.2-08]; [H5-5.2-09]; [H5-5.2-10];

#### Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có HSG cấp tỉnh các môn văn hóa, thực hành thí nghiệm, máy tính cầm tay [H1-1.4-09]; có HS đạt giải nghiên cứu KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, Tin học trẻ cấp tỉnh [H5-5.2-11]; Ngoài ra, trong lĩnh vực thể thao, nghệ thuật cũng có HS được thẩm quyền ghi nhận thành tích [H5-5.2-12]; [H5-5.2-13].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đáp ứng nhiều đối tượng HS khác nhau nhằm tạo điều kiện cho HS phát huy năng khiếu, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

HS tích cực tham gia các kỳ thi, hội thi, phong trào do ngành tổ chức và đạt thành tích cao trong nhiều năm liền.

### **3. Điểm yếu**

Mỗi năm, nhà trường vẫn có một vài HS phải rèn luyện hè vì hạnh kiểm yếu.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu các năm học, Ban lãnh đạo tiếp tục rà soát, phân công những GV có trách nhiệm, nhiệt tình công tác giao cho phụ trách giảng dạy, bồi dưỡng HS có năng khiếu, đầu tư kinh phí bồi dưỡng, khen thưởng để khích lệ GV và HS tham gia.

Giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho GVCN, GVBM kết hợp với Đoàn thanh niên theo dõi, động viên giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập để tiếp tục có những hỗ trợ kịp thời.

GVCN phối hợp với Đoàn thanh niên thường xuyên theo dõi, bám sát phát hiện những thay đổi cả tích cực và tiêu cực của HS, liên lạc với CMHS để phối hợp giáo dục nhằm đem lại hiệu quả cao hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch đề ra chủ yếu ở 2 bộ môn Lịch sử và Địa lý [H5-5.3-01];[H5-5.3-02];[H5-5.3-03];[H5-5.3-04]
- b) Thực hiện theo kế hoạch nhà trường, tổ chuyên môn chỉ đạo GV môn Lịch sử, Địa lý tiến hành đánh giá, kiểm tra nội dung giáo dục địa phương trong quá trình giảng dạy với hình thức phù hợp, đảm bảo khách quan và đạt hiệu quả giáo dục [H5-5.3-01];[H5-5.3-02]
- c) Hằng năm, nhà trường có thực hiện rà soát, cập nhật số liệu mới về nội dung Địa lý địa phương. Tuy nhiên, chưa có đề nghị điều chỉnh nào về nội dung [H5-5.3-05]

Mức 2:

Trong quá trình giảng dạy các môn học Lịch sử và Địa lý địa phương, các thầy cô bộ môn có tổ chức các kế hoạch du khảo về nguồn để tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, địa lí KT - XH tại các địa chỉ đỏ của An Giang như Di tích Óc Eo, Mỹ Hòa Hưng - quê hương

Bác Tôn,...nhằm bồi đắp thêm cho HS tình yêu quê hương, đất nước, con người An Giang, tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm quê hương mình, đồng thời thực hiện mục tiêu giáo dục gắn lý luận với thực tiễn [H5-5.3-06]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch, triển khai và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương đúng theo quy định của Bộ GDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT; Tổ chuyên môn có sự sáng tạo trong các hoạt động giảng dạy gắn lý luận với thực tiễn.

## **3. Điểm yếu**

Tài liệu giảng dạy cho GV và tài liệu tham khảo cho HS về nội dung giáo dục địa phương còn nghèo nàn, hạn chế. Việc cập nhật số liệu nội dung giáo dục địa phương hằng năm còn chưa thường xuyên vì còn do số liệu thống kê của tỉnh hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Công việc: thực hiện cập nhật, làm phong phú thêm tài liệu về giáo dục địa phương; tiếp tục đa dạng hóa hơn nữa hình thức giáo dục để gắn lý luận với thực tiễn.

Biện pháp và người thực hiện: Hàng năm, Ban giám hiệu chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương 1 lần/năm (cuối năm học); rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch, đề xuất điều chỉnh hình thức, nội dung giáo dục địa phương (nếu có) để đảm bảo đạt hiệu quả giáo dục cao hơn.

Tổ chuyên môn dựa trên góp ý của GV đề xuất mua bổ sung thêm tài liệu cần thiết, tài liệu mới về nội dung giáo dục địa phương, cập nhật trong giáo án và thư viện để HS có điều kiện đọc, tìm hiểu. Thời gian thực hiện vào đầu năm học.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*

*b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*

*c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*



Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường giao cho bộ phận ngoài giờ phối hợp Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS cả 3 khối lớp. [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02];

b) Sau khi xây dựng kế hoạch thì tiến hành tổ chức các hoạt động như kế hoạch đã đề ra. [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04];

c) Công tác tổ chức cho HS tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp do Đoàn thanh niên tổ chức có huy động GVCN, GVBM các tổ bộ môn cùng tham gia tổ chức và quản lí HS. [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04];

Mức 2:

a) Trong các năm học gần đây trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú, phù hợp HS và đạt kết quả thiết thực góp phần định hướng nghề nghiệp, giáo dục toàn diện, phát triển năng lực học sinh.[H2-2.2-06]; ;

b) Sau mỗi buổi tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp Đoàn thanh niên kết hợp GVCN tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những ưu điểm, những việc đạt được, những việc còn tồn tại, hạn chế về công tác tổ chức đoàn về quản lí HS, sức khỏe HS.[H5-5.4-05];

### **2. Điểm mạnh**

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường; GV và HS tích cực tham gia; Nhà trường quan tâm đổi mới nội dung, đa dạng hình thức trong cách tổ chức; Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần giúp HS rèn luyện, nâng cao kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực.

### **3. Điểm yếu**

Một số ít HS chưa quan tâm đến việc rèn luyện kỹ năng nên chưa tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Nhà trường chưa phối hợp được với các doanh nghiệp, khu công nghiệp trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thời gian tới, xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh có ý thức hơn trong việc tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; có kế hoạch phối hợp với các doanh nghiệp, khu công nghiệp để tư vấn cho học sinh.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

##### **Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;*

*b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

*c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2:

*a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

*b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

*Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng đến việc giáo dục về các kỹ năng sống cho HS thông qua lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; trong chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học; [H1-1.8-03]; [H1-1.3-04];

b) Thông qua các buổi tuyên truyền về pháp luật, dân số, môi trường,... HS được giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, chống bạo lực học đường, biết cách bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên, cách phòng chống bệnh, nhất là những bệnh dễ lây nhiễm,... từ đó HS tích lũy được kỹ năng sống, vốn hiểu biết xã hội nhiều hơn và thực hành pháp luật tốt hơn.[H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03]; [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05];

c) Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của HS thông qua những tiết chào cờ, lồng ghép vào những tiết dạy về hình thành nhân cách, về lối sống, về truyền thống văn hóa dân tộc cho các em, từ đó giúp các em hoàn thiện hơn đạo đức, hiểu sâu hơn về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-06]; [H5-5.5-07];

#### Mức 2:

a) Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; các hoạt động ngoại khóa; các giờ học, dưới sự hướng dẫn của GV, HS đã tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân mình, thấy được ưu điểm, hạn chế của mình cũng như tham gia đánh giá các HS khác. [H5-5.5-08]; [H5-5.5-09];

b) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, nhiều HS đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở mức phát hiện được vấn đề, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, chăm sóc sức khỏe bản thân. Một số HS có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn tạo ra các sản phẩm phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường. [H5-5.5-10];

#### Mức 3:

Từ năm 2015 đến nay, nhà trường đã có 11 sản phẩm của 10 HS tham gia dự thi nghiên cứu KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng theo sự hướng dẫn của 05 GVBM đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế. Đặc biệt, trường hợp của em Trần Lê Duy đạt giải tư Quốc tế tại Ấn Độ (năm 2018).[H5-5.5-10]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và nghiên cứu khoa học.

HS ngoan, kỹ năng sống khá tốt, ý thức tự giác và chấp hành pháp luật tốt.

### **3. Điểm yếu**

Điều kiện CSVC, kinh phí, chế độ hỗ trợ, khen thưởng cho HS và GV trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống còn hạn hẹp; tỉ lệ HS có khả năng vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học của còn hạn chế. Số lượng HS đạt giải trong các kì thi lớn chưa ổn định.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tăng cường đầu tư nguồn tài chính cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, ngoại khóa trong năm học tiếp theo để rèn kỹ năng sống cho học sinh. GV kịp thời phát hiện trong HS có năng khiếu, yêu thích nghiên cứu để định hướng, bồi dưỡng.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

#### **Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.  
[H5-5.6-01];

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường  
[H5-5.6-02];

c) Công tác phân luồng HS được nhà trường quan tâm, hằng năm HS khối 12 được tuyên truyền nhận thức, ý thức nghề nghiệp trước khi dự thi THPT quốc gia nên các em chủ động định hướng việc học tập sau khi tốt nghiệp [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02];

Mức 2:

a) Trong 05 năm trở lại đây, chất lượng nhà trường có chuyển biến tích cực trong đó tỷ lệ HS đạt loại khá, giỏi tăng, tỷ lệ HS xếp học lực loại yếu giảm; nề nếp và kỷ luật của HS đã được cải thiện rõ rệt so với trước, tỷ lệ HS đạt hạnh kiểm tốt cũng tăng [H5-5.6-01]

b) Cùng với những kết quả đạt được về học lực, hạnh kiểm trong những năm gần đây thì tỷ lệ HS đỗ tốt nghiệp và HS lưu ban đều chuyển biến theo hướng tích cực tạo được niềm tin của nhân dân địa phương [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03]

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS năm học 2019 - 2020:

Học lực: Loại Giỏi 41,43% > 10% (đạt mức 3)

Loại Khá 42,6% > 25% (đạt mức 3)

Loại Yếu - Kém 0,82 % < 5% (đạt mức 3)

Hạnh kiểm: Loại Khá, Tốt 98,44% > 90% (đạt mức 3)

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban năm học 2019 – 2020

Học sinh bỏ học 0,69% < 1%, nhưng thiếu hồ sơ minh chứng

Học sinh lưu ban 0,34% < 2% (đạt mức 3)

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm học của trường.

Hàng năm, tỉ lệ HS lên lớp đảm bảo chỉ tiêu đề ra; tỉ lệ tốt nghiệp THPT ngày càng cao và ổn định.

### **3. Điểm yếu**

Vẫn còn số ít HS chưa chăm học, thiếu ý thức tự học, tự rèn. Một số CMHS chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em, chưa tích cực phối hợp với nhà trường và GVCN để giáo dục con em tốt hơn.

Số lượng học sinh nghỉ học đi học nghề nhiều nhưng thiếu minh chứng (xác nhận trường Nghề)

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Ban lãnh đạo nhà trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tích cực phối hợp với gia đình CMHS; đề ra các giải pháp từng bước khắc phục dứt điểm tình trạng HS lười học, học yếu.

Nhà trường tiếp tục tập trung các giải pháp duy trì sự ổn định tỷ lệ HS khá - giỏi, giảm tỷ lệ HS có học lực yếu kém; xây dựng phương án phân luồng HS theo năng lực, sở trường, môi trường tương tác và định hướng nghề nghiệp ngay từ lớp đầu cấp để giữ vững và phát huy điểm mạnh.

Nhà trường rút kinh nghiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục khi học sinh nghỉ đi học nghề ở những năm tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Trong những năm qua nhà trường đã thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của ngành và nhiệm vụ từng năm học. Thực hiện nghiêm túc chương trình và kế hoạch giáo dục của Bộ và Sở GDĐT. Không ngừng đổi mới phương pháp và ứng dụng CNTT trong dạy học, công tác bồi dưỡng HSG và phụ đạo HS yếu-kém được đẩy mạnh. Bên cạnh đó trường còn tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao với sự tham gia tích cực của HS, đặc biệt rất quan tâm và tạo điều kiện cho HS tham gia hoạt động nghiên

cứu KHKT nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích giúp các em sáng tạo, tự tin thể hiện năng khiếu của bản thân, đạt mục tiêu giáo dục toàn diện.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

## **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí (Khoản 01):** *Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và đơn vị. Tuy nhiên, trong kế hoạch giáo dục của nhà trường thì không có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.[H1-1.1-05];

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các kế hoạch giáo dục để triển khai ở nhiều lĩnh vực như chuyên môn, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, trải nghiệm, sáng tạo,...

### **3. Điểm yếu**

Tất cả các kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**



Những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của ngành xây dựng các kế hoạch giáo dục sao cho vừa phát huy những điều kiện sẵn có tại trường đồng thời tham khảo những nội dung chương trình tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để nhằm nâng chất lượng giáo dục của đơn vị.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt**

**Tiêu chí (Khoản 02):** *Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm nhà trường có thống kê số lượng HS có hoàn cảnh khó khăn, diện chính sách; có tổ chức các hoạt động thi HSG cấp trường, văn nghệ, thể thao,...nhằm để biết được HS có năng khiếu chuyên môn về từng lĩnh vực. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được các kế hoạch giáo dục cụ thể cho từng đối tượng HS, vì vậy chưa đảm bảo được cho 100% HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có quan tâm đến đối tượng HS có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ chi phí học tập, cấp phát học bổng; xây dựng các hoạt động dạy học theo định hướng theo phát triển năng lực của HS, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao để phát huy năng khiếu của HS.

### **3. Điểm yếu**

Đối với từng đối tượng HS nhà trường chưa có kế hoạch giáo dục cụ thể, chưa có sự phối hợp tham gia giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân liên quan giúp cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tiếp theo, Lãnh đạo nhà trường tiếp tục quan tâm, rà soát, thống kê cụ thể từng đối tượng HS, vừa hỗ trợ về mặt tinh thần, vừa động viên về mặt kinh tế để tạo động lực cho các em. Năm học 2020-2021, Sở GD&ĐT có tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng các cấp, Hiệu trưởng chỉ đạo Tổ Thể dục xây dựng kế hoạch cụ thể, trong đó có nội dung phát hiện những HS có năng khiếu thì tiếp tục phối hợp với các tổ chức, cá nhân có chuyên

môn cao hơn bồi dưỡng, tập huấn để các em hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt**

**Tiêu chí (Khoản 03):** *Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp trường; kết quả mỗi năm trường đều có ít nhất 02 dự án dự thi và đạt giải cấp tỉnh, trong đó năm 2016 đạt được 02 giải quốc gia (01 giải khuyến khích và 01 giải nhì), năm 2017 đạt 01 giải ba quốc gia. Đặc biệt, năm 2016 em Trần Lê Duy đạt 01 giải tư quốc tế tại Ấn Độ.[H5-5.5-10];

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng giáo dục, rèn luyện HS theo định hướng phát triển năng lực thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và nghiên cứu khoa học.

GV của trường có khả năng nghiên cứu và định hướng cho HS xây dựng các dự án, hướng dẫn các em thực hiện

### **3. Điểm yếu**

Phong trào chưa đủ sức lan toả thể hiện qua số lượng HS tham gia chưa nhiều, các bộ môn xã hội cũng chưa có dự án nổi bật.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục quan tâm và chú trọng công tác nghiên cứu khoa học trong HS; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho GV tìm nhiều biện pháp, khuyến khích HS tích cực tham gia.

## **5. Tự đánh giá: Đạt**

**Tiêu chí (Khoản 04):** *Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường có thư viện đạt chuẩn. Thư viện có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.[H3-3.6-01];

Tuy nhiên, Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

### **2. Điểm mạnh**

Thư viện đạt chuẩn, thư viện hoạt động đáp ứng yêu cầu dạy, học và nghiên cứu cho GV và HS.

### **3. Điểm yếu**

Thư viện chưa đạt tiêu chuẩn của thư viện tiên tiến.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường từng bước xây dựng thư viện đạt tiên tiến, thư viện điện tử.

### **5. Tự đánh giá: Không đạt**

**Tiêu chí (Khoản 05):** *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Từ năm học 2015-2016 đến nay, nhà trường đã hoàn thành được một số mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển như nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế HS bỏ học, tỉ lệ HS đỗ đại học ngày càng cao,...[H1-1.1-03]; [H1-1.1-04];

Tuy nhiên, những mục tiêu liên qua đến CSVC, trang thiết bị, ... thực hiện chưa theo kế hoạch.

## **2. Điểm mạnh**

Làm tốt các mục tiêu mang tính chất chủ quan như duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục, ứng dụng CNTT và huy động các nguồn lực.

## **3. Điểm yếu**

Các mục tiêu có yếu tố khách quan xây dựng CSVC, bổ sung các trang, thiết bị làm chưa theo kế hoạch đề ra vì còn phụ thuộc vào sự đầu tư của ngành và của UBND tỉnh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tiếp theo, Lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu với lãnh đạo các cấp đầu tư xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia theo đề án của huyện Châu Thành, phấn đấu năm 2023 đạt chuẩn "Huyện nông thôn mới".

## **5. Tự đánh giá: Không đạt**

**Tiêu chí (Khoản 06):** *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

So với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm có kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội được các cấp thẩm quyền ghi nhận. Cụ thể:

- Năm học 2015 - 2016: nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh An Giang tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2016 do Chủ tịch UBND tỉnh Vương Bình Thạnh ký.

- Năm học 2016- 2017, nhà trường được Bộ trưởng Bộ GDĐT tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển giai đoạn 1996 - 2016, theo quyết định số 5187/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 11 năm 2016 do Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ ký.

- Năm học 2016- 2017: nhà trường vinh dự nhận Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm học 2016 - 2017 do Chủ tịch UBND tỉnh An Giang ký ngày 23 tháng 8 năm 2017 theo quyết định số 26/QĐ-UBND. [H1-1.8-07];

## **2. Điểm mạnh**

Tập thể sư phạm nhà trường có sự đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ qua từng năm học, lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện để từng cá nhân phát huy và lập thành tích chung cho trường.

## **3. Điểm yếu**

Thành tích của nhà trường thiếu sự liên tục trong 02 năm gần đây vì một số cá nhân thực hiện chưa tốt nhiệm vụ được giao nên ảnh hưởng đến thành tích chung.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Lãnh đạo nhà trường xây dựng và cải tiến cách đánh giá công chức, viên chức, xét thi đua cuối năm học phù hợp với hướng dẫn của cấp trên và tình hình tại đơn vị.

## **5. Tự đánh giá: Đạt**

**Kết luận:** Không đạt

### **Phần III**

## **KẾT LUẬN CHUNG**

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 12/20 - Tỉ lệ: 60%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 8/20 - Tỉ lệ: 40%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 4:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/6 - Tỉ lệ: 33,33%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/6 - Tỉ lệ: 66,67%

Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT là: Cấp độ 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ: 4

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia Mức độ:

*Châu Thành, ngày 10 tháng 01 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ngô Thị Kiều Huệ**

**Phần IV**  
**PHỤ LỤC**

**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tiêu chí 1.1</b>	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược	Số 188/KHCL-THPT, 3/10/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H1-1.1-02]	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược	Số 1569/QĐ-SGDĐT, ngày 08/10/2018	Sở GDĐT An Giang	
	3	[H1-1.1-03]	Báo cáo Tổng kết chiến lược giai đoạn 2011 - 2016	Ngày 15/8/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện kế hoạch chiến lược 2017 - 2018, 2018 - 2019 và 2019-2020		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H1-1.1-05]	Kế hoạch năm học các năm	2015-2016, Số 95/KH-THPT ngày 09/09/2015; 2016-2017, Số 60/KH-THPT, ngày 05/9/2016; 2017-2018, Số 87/KH-THPT, ngày 15/9/2017; 2018-2019, Số 172/KH-THPT, ngày 15/9/2018; 2019-2020, Số 134/KH-THPT, ngày 16/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tiêu chí 1.2</b>	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Số 1600/QĐ-SGDĐT, 5/12/2017	Sở GDĐT An Giang	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng (2 năm)	2018-2019, Số 163/QĐ-THPT, ngày 30/8/2018; 2019-2020, Số 133/QĐ-THPT, ngày 03/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng khoa học chấm SKKN (5 năm)	2015-2016, số 1204/QĐ-SGDĐT, ngày 21/12/2015; 2016-2017, số 1838/QĐ-SGDĐT, ngày 21/12/2016; 2017-2018, số 33/QĐ-THPT, ngày 23/02/2018; 2018-2019, số 31/QĐ-THPT, ngày 20/02/2019; 2019-2020, số 28/QĐ-THPT ngày 03/03/2020	Sở Giáo dục Đào tạo An Giang; Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội đồng chấm GVG cấp trường (5 năm)	2015-2016, Số 61/KH-THPT ngày 25/09/2015; 2016-2017, Số 68/KH-THPT, ngày 19/9/2016; 2017-2018, Số 63/QĐ-THPT, ngày 11/09/2017; 2018-2019, Số 56/QĐ-THPT, ngày 17/9/2018;	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	



<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2019-2020, Số 52/QĐ-THPT, ngày 16/9/2019		
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập tổ tư vấn học đường	Số 113/QĐ-THPT, ngày 07/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H1-1.2-06]	Biên bản họp hội đồng trường, hội đồng thi đua (5 năm)		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H1-1.2-07]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm của nhà trường (5 năm)		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 1.3</b>	1	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn (1 nhiệm kỳ)	2017-2022, Số 32/QĐ-CDN ngày 22/8/2017	Công Đoàn Ngành GD An Giang	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y BCH Đoàn trường (5 năm)	2015-2016, Số 174-QĐ/HĐCT ngày 19/10/2015; 2016-2017, Số 232-QĐ/HĐCT, ngày 20/10/2016; 2017-2018, Số 28-QĐ/HĐCT, ngày 12/10/2017; 2018-2019, Số 79-QĐ/HĐCT, ngày 03/10/2018; 2019-2020, Số 131-QĐ/HĐCT, ngày 30/09/2019	BCH Đoàn Huyện Châu Thành	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định thành lập Chi hội khuyến học	Số 01/QĐ-HKH, ngày 28/11/2019; Số 05/QĐ-HKH, ngày 20/10/2020	Hội khuyến học Huyện Châu Thành	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	4	[H1-1.3-04]	Chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học (5 năm)	2015-2016, Số 04-CTr/ĐTN ngày 10/10/2015; 2016-2017, Số 05-CTr/ĐTN ngày 15/9/2016; 2017-2018, Số 06-CTr/ĐTN ngày 10/10/2017; 2018-2019, Số 07-CTr/ĐTN, ngày 01/10/2018; 2019-2020, Số 07-CTr/ĐTN, ngày 01/10/2019	Đoàn Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động Công đoàn (5 năm)	2015-2016 ngày 13/09/2015; 2016-2017 ngày 18/9/2016; 2017-2018 ngày 17/9/2017; 2018-2019 ngày 22/9/2018; 2019-2020 ngày 22/9/2019	CĐCS THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Chi hội khuyến học	2016-2017, ngày 05/9/2016; 2017-2018, ngày 05/9/2017; 2018-2019, ngày 05/9/2018; 2019-2020, ngày 05/9/2019; 2020-2021, ngày 05/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	7	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết đoàn trường (5 năm)	2015-2016, ngày 16/05/2016; 2016-2017, ngày 27/4/2017; 2017-2018, ngày 11/5/2018; 2018-2019, Số 25/BC.ĐTN ngày 17/5/2019; 2019-2020, ngày 12/6/2020	BCH Đoàn Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	8	[H1-1.3-08]	Báo cáo tổng kết công đoàn 5 năm	2015-2016, Số 14/BC-CĐCS ngày 24/5/2016; 2016-2017, Số 12/BC-CĐCS, ngày 23/5/2017; 2017-2018, Số 04/BC-CĐCS, ngày 25/5/2018; 2018-2019, Số 12/BC-CĐCS, ngày 03/6/2019;	CĐCS THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	9	[H1-1.3-09]	Báo cáo hoạt động của Chi hội khuyến học	2015-2016, Ngày 05/01/2016; ngày 21/5/2016; 2016-2017, ngày 30/12/2016, ngày 30/12/2017; 2018, ngày 13/12/2018; 2019-2020, ngày 15/7/2020	Chi hội khuyến học Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	10	[H1-1.3-10]	Quyết định chuẩn y BCH Đảng bộ.	2015-2020, Số 255-QĐ/HU, ngày 03/01/2018; 2020-2025,	Huyện Ủy Châu Thành - An Giang	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				Số 712-QĐ/HU, ngày 12/6/2020		
	11	[H1-1.3-11]	Quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng (5 năm)	Năm 2015, Số 52-QĐ/HU, ngày 15/01/2016; Năm 2016, Số 139-QĐ/HU, ngày 27/12/2016; Năm 2017, Số 256-QĐ/HU, ngày 18/01/2018; Năm 2018, Số 360-QĐ/HU, ngày 25/01/2019; Năm 2019, Số 641-QĐ/HU, ngày 10/01/2020;	Huyện Ủy Châu Thành - An Giang	
	12	[H1-1.3-12]	Nghị quyết của đảng bộ hàng tháng		Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	13	[H1-1.3-13]	Các giấy khen, bằng khen của Đoàn trường	Số 388-QĐ/TĐTN-TTNTTH ngày 19/8/2020	BCH Đoàn Tỉnh An Giang	
	14	[H1-1.3-14]	Các giấy khen, bằng khen, cờ thi đua của Công đoàn	Bằng khen năm 2015-2016, Số 1569/QĐ-TLĐ ngày 16/09/2016; Cờ thi đua năm 2016-2017, Số 1656/QĐ-TLĐ ngày 27/09/2017; Giấy khen năm 2019, Số 19/QĐ-CĐN ngày 14/8/2019; Bằng khen năm 2018, số	Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam; Liên Đoàn Lao Động Tỉnh An Giang	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				566/QĐ-LĐLĐ ngày 11/4/2019; Bằng khen năm 2019-2020, số 1489/QĐ-LĐL		
	15	[H1-1.3-15]	Giấy cảm tạ của UBMTTQ huyện Châu Thành về việc đóng quỹ ASXH hàng năm	Ngày 18/03/2019	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Huyện Châu Thành	
	16	[H1-1.3-16]	Hình ảnh CB, GV, NV tham gia hiến máu nhân đạo		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	17	[H1-1.3-17]	Những hình ảnh của Đoàn trường đi thấp nền tri ân tại NTLS tỉnh, tuyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 1.4</b>	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Số 1548/QĐ-SGDĐT ngày 23/11/2017	Sở GDĐT An Giang	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm các Phó hiệu trưởng	PHT Võ Việt Dũng, số 1013/QĐ-SGDĐT ngày 13/06/2018; PHT Trương Sơn, số 992/QĐ-GDĐT ngày 14/7/2016; PHT Lâm Mộc Tùng, số 1003/QĐ-GDĐT ngày 10/8/2017	Sở GDĐT An Giang	
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm TTCM, TPCM và tổ trưởng tổ văn phòng hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	4	[H1-1.4-04]	Các kế hoạch hoạt động của các tổ bộ môn, tổ văn phòng		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV	2018-2019, Số 143/QĐ-THPT ngày 22/8/2018; 2019-2020, Số 124/QĐ-THPT ngày 23/8/2019; 2020-2021, Số 110/QĐ-THPT ngày 01/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H1-1.4-06]	Báo cáo thực hiện chuyên đề chuyên môn hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H1-1.4-07]	Biên bản họp của các tổ bộ môn, tổ văn phòng		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	8	[H1-1.4-08]	Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác chuyên môn (Phó HT, các tổ CM)	2015-2016, ngày 06/01/2016, ngày 24/5/2016; 2016-2017, ngày 05/01/2017; 2017-2018, ngày 04/01/2017, ngày 26/5/2018; 2018-2019, ngày 05/01/2019, ngày 28/5/2019; 2019-2020, ngày 05/01/2020, ngày 14/7/2020.	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	9	[H1-1.4-09]	Kết quả HSG cấp tỉnh các môn văn hoá, MTCT các năm		Sở GDĐT An Giang	
	10	[H1-1.4-10]	Kết quả GV đạt giải cấp tỉnh SKKN, ĐDDH các năm		Sở GDĐT An Giang	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	11	[H1-1.4-11]	Giấy khen Tập thể LĐTT của các tổ.	2015-2016, Số 908/QĐ-SGDĐT ngày 29/6/2016; 2016-2017, Số 672/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2017; 2017-2018, Số 1124/QĐ-SGDĐT ngày 22/6/2018; 2018-2019, Số 1204/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2019; 2019-2020, Số 1213/QĐ-SGDĐT ngày 11/8/2020	Sở GDĐT An Giang	
<b>Tiêu chí 1.5</b>	1	[H1-1.5-01]	Danh sách GVCN các lớp năm 2019-2020		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm năm học 2019 - 2020		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H1-1.5-03]	Sổ GTGD		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 1.6</b>	1	[H1-1.6-01]	Các văn bản quy định về tài chính		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài chính		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H1-1.6-03]	Quyết định giao dự toán (2014-2019)		Sở GDĐT An Giang	
	4	[H1-1.6-04]	Báo cáo thu - chi tài chính (5 năm)		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quyết toán quý/năm (5 năm)		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	6	[H1-1.6-06]	Quy chế chi tiêu nội bộ 2016 - 2018	Số 20/QĐ-THPT ngày 24/3/2016	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H1-1.6-07]	Quy chế chi tiêu nội bộ 2019	Số 62/QĐ-THPT.NBK, ngày 20/4/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kết luận của Sở về việc thẩm tra báo cáo quyết toán quý, năm		Sở GDĐT An Giang	
	9	[H1-1.6-09]	Hợp đồng thuê phần mềm quản lý tài sản, tài chính	Số 17/BTAG	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	10	[H1-1.6-10]	Đề án Căn tin-xe đạp	Số 232/ĐA-THPT ngày 26/12/2018; Số 86/ĐA-THPT ngày 05/6/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	11	[H1-1.6-11]	Kế hoạch dạy thêm-học thêm	2018-2019, ngày 17/9/2018; 2019-2020, Số 165/KH-THPT ngày 04/9/2018; 2020-2021, Số 119/KH-THPT ngày 21/9/2020	THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 1.7</b>	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch BDTX (5 năm)	2015-2016, Số 85/KH-THPT ngày 15/10/2015; 2016-2017, Số 88/KH-THPT, ngày 21/11/2016; 2017-2018, Số 84/KH-THPT, ngày 06/12/2017; 2018-2019, Số 89/KH-THPT, ngày 06/12/2018;	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	



<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2019-2020, Số 82/KH-THPT, ngày 18/11/2019		
	2	[H1-1.7-02]	Quyết định quy định nhiệm vụ CB-GV-NV	2018-2019, Số 138/QĐ-THPT ngày 20/8/2018; 2019-2020, Số 122/QĐ-THPT ngày 22/8/2019; 2020-2021, Số 109/QĐ-THPT ngày 31/8/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H1-1.7-03]	Bảng lương hàng tháng (2014-2019)		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H1-1.7-04]	Danh sách giáo viên được cử tham gia các lớp tập huấn		Sở Giáo dục đào tạo An Giang	
	5	[H1-1.7-05]	Biên bản và các danh sách quy hoạch hạng CDNN		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H1-1.7-06]	Thông báo kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2016-2020 (năm 2019)	Năm 2019, Số 427/SGDDĐT-TCCB ngày 29/3/2019; Năm 2020, Số 565/SGDDĐT-TCCB ngày 28/02/2020	Sở GDĐT An Giang	
<b>Tiêu chí 1.8</b>	1	[H1-1.8-01]	Nghị quyết hội nghị CB-VC hàng năm	2015-2016, ngày 13/09/2015; 2016-2017, ngày 18/9/2016; 2017-2018, ngày 17/9/2017; 2018-2019, Số 185/NQ-CĐCS, ngày 21/9/2018;	CĐCS THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2019-2020, Số 139/NQ-CĐCS, ngày 21/9/2019		
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn (5 năm)	2015-2016, ngày 05/9/2015; 2016-2017, ngày 05/9/2016; 2017-2018, ngày 05/9/2017; 2018-2019, ngày 05/9/2018; 2019-2020, ngày 05/9/2019; 2020-2021, ngày 10/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ (5 năm)	2015-2016, ngày 31/08/2015; 2016-2017, ngày 31/08/2016; 2017-2018, ngày 15/09/2017; 2018-2019, ngày 20/9/2018; 2019-2020, ngày 27/8/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H1-1.8-04]	Kế hoạch xây dựng THPT-HSTC (5 năm)	2015-2016, Số 72/KH-THPT ngày 06/09/2015; 2016-2017, Số 73/KH-THPT, ngày 06/9/2016; 2017-2018, Số 73/KH-THPT, ngày 15/9/2017; 2018-2019, ngày 06/10/2018; 2019-2020, ngày 9/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	5	[H1-1.8-05]	Báo cáo sơ kết học kỳ, năm học của các bộ phận		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H1-1.8-06]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm	2015-2016, Số 99/KH-THPT ngày 22/09/2015; 2016-2017, Số 63/KH-THPT, ngày 20/9/2016; 2017-2018, Số 92/KH-THPT, ngày 28/9/2017; 2018-2019, Số 180/KH-THPT, ngày 18/9/2018; 2019-2020, Số 137/KH-THPT, ngày 23/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H1-1.8-07]	Thành tích của trường qua các năm	2016-2017, Số 264/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; 2019-2020, Số 1287/QĐ-SGDĐT ngày 28/8/2020	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang	
	8	[H1-1.8-08]	Hồ sơ dạy thêm - học thêm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 1.9</b>	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ cơ quan	Số 173/QĐ-THPT, ngày 15/9/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ	2017-2018, Số 76/BC-THPT, ngày 31/5/2018; 2018-2019, Số 76/BC-THPT, ngày 31/5/2019; 2019-2020, Số 76/BC-THPT, ngày 15/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân (5 năm)	2015-2016, ngày 17/09/2016; 2016-2017, ngày 15/9/2017; 2017-2018, ngày 21/9/2018; 2018-2019, ngày 21/9/2019; 2019-2020, ngày 29/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H1-1.9-04]	Hồ sơ tổ tư vấn học đường		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H1-1.9-05]	Hình ảnh hộp thư góp ý		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 1.10</b>	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch thực hiện ATGT các năm	Số 68/KH-THPT, ngày 04/9/2015; Số 68/KH-THPT, ngày 16/9/2016; Số 24/KH-THPT, ngày 15/02/2016	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trường trường học, phòng chống bạo lực học đường		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H1-1.10-03]	Số điện thoại đường dây nóng		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch tuyên truyền bình đẳng giới	Số 66/KH-THPT ngày 07/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H1-1.10-05]	Hướng dẫn thực hiện an toàn giao thông; Thông tin chủ nhiệm hàng tuần		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	6	[H1-1.10-06]	Danh sách đội tự vệ cơ quan;	Ngày 28/03/2016; Ngày 12/4/2017; Ngày 17/3/2018; Ngày 01/4/2019; Ngày 26/3/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H1-1.10-07]	Danh sách đội học sinh xung kích	Ngày 04/5/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 2.1</b>	1	[H2-2.1-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng	Số 1548/QĐ-SGDĐT ngày 23/11/2017; Số 1003/QĐ-SGDĐT ngày 10/08/2017; Số 992/QĐ-SGDĐT ngày 14/07/2016; Số 1013/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2018.	Sở GDĐT An Giang	
	2	[H2-2.1-02]	Bằng cấp chuyên môn của Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng		Các trường đại học	
	3	[H2-2.1-03]	Quyết định tuyển dụng của Hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng	Số 1140/QĐ-SGDĐT, ngày 01/9/1997; Số 1038-QĐ/GDĐT ngày 30/08/1996; Số 899/QĐ.TCCQ, ngày 12/9/2000; Số 2440/QĐ.TCCQ, ngày 24/8/1999;	Ban Tổ chức chính quyền Tỉnh; Sở GDĐT An Giang	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H2-2.1-04]	Kết quả đánh giá Hiệu trưởng, PHT hàng năm	2016-2017 số 957/SGDĐT-TCCB ngày 28/6/2017; 2017-2018 số 1166/SGDĐT-TCCB ngày 10/7/2018; 2018-2019, Số 1060/SGDĐT-TCCB ngày 18/6/2019; 2019-2020, số 1222/QĐ-SGDĐT ngày 14/8/2020;	Sở GDĐT An Giang	
	5	[H2-2.1-05]	Kết quả BDTX của hiệu trưởng, PHT hàng năm		Sở GDĐT An Giang	
	6	[H2-2.1-06]	Chứng chỉ Bồi dưỡng Quản lý giáo dục của Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng	Số QL/0259 ngày 17/11/2008; Số QL/1309 ngày 29/12/2009; Số QL/1697 ngày 26/5/2010; Số QL/4121 ngày 10/02/2012.	Trường cán bộ quản lý giáo dục TP Hồ Chí Minh	
	7	[H2-2.1-07]	Chứng chỉ đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị của Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng		Trường Chính trị Tôn Đức Thắng-An Giang	
	8	[H2-2.1-08]	Các công văn triệu tập tham dự các lớp bồi dưỡng chính trị trong hè	Số 73/KH-SGDĐT ngày 05/07/2016; Số 89/KH-THPT ngày 18/7/2019; Số 1757/KH-SGDĐT ngày 07/7/2020.	Sở GDĐT An Giang	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	9	[H2-2.1-09]	Biên bản đánh giá BGH hàng năm	Ngày 24/12/2015; Ngày 09/6/2016; Ngày 26/5/2017; Ngày 27/5/2019; Ngày 01/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 2.2</b>	1	[H2-2.2-01]	Đề án vị trí việc làm	10/4/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H2-2.2-02]	Danh sách GV có thông tin về trình độ	Tháng 03/2017; tháng 03/2018; tháng 02/2019; tháng 01/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H2-2.2-03]	Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV năm 2020	Ngày 15/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H2-2.2-04]	Thống kê danh sách GV đạt chuẩn trình độ	Ngày 18/03/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H2-2.2-05]	Thống kê tỷ lệ chuẩn nghề nghiệp của GV hàng năm	Ngày 04/6/2015; ngày 22/6/2016; ngày 30/5/2017; ngày 29/5/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H2-2.2-06]	Hình ảnh hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 2.3</b>	1	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên năm học 2019-2020	20/3/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H2-2.3-02]	Quyết định phân công nhiệm vụ cho nhân viên năm 2019-2020	Số 126/QĐ-THPT ngày 01/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	3	[H2-2.3-03]	Kết quả đánh giá theo Nghị định 56 hàng năm của NV	Số 59/QĐ-THPT ngày 01/6/2017; số 110/QĐ-THPT ngày 28/5/2018; số 81/QĐ-THPT ngày 29/5/2019; số 70/QĐ-THPT ngày 10/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H2-2.3-04]	Bảng cấp chuyên môn của nhân viên		Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp	
	5	[H2-2.3-05]	Công văn triệu tập nhân viên dự các lớp tập huấn		Công an tỉnh An Giang	
<b>Tiêu chí 2.4</b>	1	[H2-2.4-01]	Hồ sơ tuyển sinh 10, năm học 2019 - 2020		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H2-2.4-02]	Sổ đăng bộ		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H2-2.4-03]	Điều lệ trường trung học	12/2011/TT-BGGDĐT ngày 28/3/2011; 32/2020/TT-BGDĐT	Bộ GDĐT	
	4	[H2-2.4-04]	Hình ảnh về các hoạt động học tập trên lớp, văn nghệ, thể thao, giáo dục kỹ năng cho HS		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách HS nhận các loại học bổng 5 năm liên tiếp		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H2-2.4-06]	Sổ biên bản xử lý HS vi phạm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	



<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	7	[H2-2.4-07]	Các Quyết định khen thưởng cuối năm học	33/QĐ-THPT ngày 25/5/2016; 50/QĐ-THPT ngày 25/5/2017; 102/QĐ-THPT ngày 24/5/2018; QĐ-THPT ngày 24/5/2019; 65/QĐ-THPT ngày 01/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 3.1</b>	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên trường: hàng rào, cổng trường, sân chơi, bãi tập		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H3-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường			
	3	[H3-3.1-03]	Sổ quản lý thiết bị thể dục thể thao	Ngày 01/01/2017	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H3-3.1-04]	Báo cáo kê khai trụ sở làm việc	Ngày 05/02/2020; Ngày 17/03/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H3-3.1-05]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà trường	Số 732/QĐ.UB ngày 05/04/2000; Số 2535/QĐ.CT.UB ngày 28/10/2002; Số 615/QĐ.UB ngày 29/10/2002	UBND TỈNH AN GIANG	
<b>Tiêu chí 3.2</b>	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh, video các phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	2	[H3-3.2-02]	Biên bản kiểm tra tài sản, CSVC.	Ngày 22/8/2019; ngày 02/12/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H3-3.2-03]	Quyết định phòng bộ môn đạt chuẩn	Ngày 10/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H3-3.2-04]	Sổ quản lý thiết bị giáo dục các phòng học, phòng bộ môn.		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 3.3</b>	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khối hành chính, quản trị		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H3-3.3-02]	Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ khối hành chính, quản trị		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh nhà xe học sinh, giáo viên		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H3-3.3-04]	Hóa đơn chứng từ mua sắm, sửa chữa khu hành chính quản trị hàng năm		Các công ty bán hàng	
	5	[H3-3.3-05]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế hàng năm		Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	
	6	[H3-3.3-06]	Báo cáo tự kiểm tra về y tế hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H3-3.3-07]	Biên bản tự kiểm tra CSVC hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 3.4</b>	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh giáo viên, học sinh		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng (hóa đơn) cung cấp nước sạch, thu gom rác thải	HĐ: Số 42/HĐDV-MTĐTCT ngày 01/4/2019; ngày 05/12/2019. Hóa đơn: Kỳ 1; kỳ 2; kỳ 3; kỳ 4; kỳ 5; kỳ 6; kỳ 7; kỳ 8; kỳ 9; kỳ 10; kỳ 11; kỳ 12.	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 3.5</b>	1	[H3-3.5-01]	Biên bản kiểm kê tài sản phòng bộ môn hàng năm	Ngày 20/01/2018; ngày 21/01/2019; ngày 13/01/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H3-3.5-02]	Hóa đơn ma sấm, sửa chữa các thiết bị phòng bộ môn hàng năm	Số 09.HĐKT.11.2019 ngày 15/11/2019; ngày 12/12/2018; ngày 17/03/2020; ngày 02/7/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H3-3.5-03]	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng	Viettel ngày 27/7/2015; Viettel ngày 01/7/2020	Công ty Viễn thông Viettel	
	4	[H3-3.5-04]	Báo cáo hoạt động của phòng bộ môn hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 3.6</b>	1	[H3-3.6-01]	Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ Thư viện		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động của Thư viện hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H3-3.6-03]	Biên bản kiểm tra chuyên đề nội bộ Thư viện hàng năm	Từ năm 2015 đến 2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	4	[H3-3.6-04]	Biên bản kiểm kê thư viện hàng năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H3-3.6-05]	Hóa đơn chứng từ mua sách báo, tạp chí... hàng năm		Các công ty bán hàng	
	6	[H3-3.6-06]	Quyết định công nhận Thư viện đạt chuẩn		Sở GDĐT An Giang	
<b>Tiêu chí 4.1</b>	1	[H4-4.1-01]	Danh sách BDD CMHS các năm	2016-2017; 2018-2019; 2019-2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của BDD các năm	2015-2016, ngày 28/8/2015; 2016-2017, ngày 19/8/2016; 2017-2018, ngày 16/9/2017; 2018-2019, ngày 13/9/2018; 2019-2020, ngày 12/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo hoạt động của BDD các năm	2017-2018, ngày 13/9/2018; 2018-2019, ngày 12/9/2019; 2019-2020, ngày 22/9/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H4-4.1-04]	Sở hợp BDD CMHS		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H4-4.1-05]	Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tập, tài chính	2018; 2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 4.2</b>	1	[H4-4.2-01]	Kế hoạch tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục hàng năm	2015-2016, ngày 20/7/2015; 2016-2017, Số 54/KH-THPT ngày	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				22/7/2016; 2018-2019, Số 135/KH-THPT ngày 21/8/2018; 2019-2020, Số 110/KH-THPT ngày 01/8/2019		
	2	[H4-4.2-02]	Công tác phối hợp với đài truyền thanh huyện và các xã, thị trấn	Ngày 28/2/2018; Ngày 15/8/2019; Ngày 26/8/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H4-4.2-03]	Công văn phối hợp với TTVH huyện tổ chức TDDT	Số 13/KH-CĐCS, ngày 13/4/2016; Số 11/KH-CĐCS, ngày 28/5/2019; Số 64/ KH-CĐCS, ngày 04/11/2020	CĐCS THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh thăm Bà mẹ VNAH			
	5	[H4-4.2-05]	Những tờ trình gửi Sở về việc chỉnh trang CSVN, mua sắm trang thiết bị		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 5.1</b>	1	[H5-5.1-01]	kế hoạch BD HSG	2015-2016, Số 32/KH-THPT ngày 03/8/2015; 2016-2017, ngày 05/9/2016; 2017-2018, ngày 14/11/2017; 2018-2019, Số 28/KH-THPT, ngày 15/02/2019; 2019-	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2020, Số 161/KH-THPT, ngày 06/11/2019		
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch phụ đạo HS yếu	2015-2016, ngày 15/10/2015; 2016-2017, ngày 12/10/2016; 2017-2018, ngày 12/10/2017; 2018-2019, ngày 18/10/2018; 2019-2020, ngày 18/10/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 5.2</b>	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch đỡ đầu HS khó khăn (5 năm)		CĐCS THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch văn nghệ 20/11	2015-2016, ngày 20/10/2015; 2018-2019, ngày 30/9/2018; 2019-2020, ngày 30/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch Hội khỏe Phù Đổng	2015-2016, ngày 07/9/2015; 2016-2017, ngày 09/9/2016; 2017-2018, ngày 06/9/2017; 2018-2019, ngày 25/9/2018; 2019-2020, ngày 24/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H5-5.2-04]	Kế hoạch nghiên cứu KHKT, sáng tạo TTNND	2015-2016, Số 48/KH-THPT ngày 20/09/2015; 2016-2017, Số 41/KH-THPT, ngày 02/5/2016;	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2017-2018, Số 29/KH-THPT, ngày 11/9/2017; 2018-2019, ngày 01/9/2018; 2019-2020, ngày 10/9/2019		
	5	[H5-5.2-05]	Danh sách HS được đỡ đầu ký tên nhận tiền hỗ trợ (5 năm)		CĐCS THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H5-5.2-06]	Danh sách HS nhận quà Tiếp bước đến trường (5 năm)		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H5-5.2-07]	Danh sách HS dự thi Ca múa nhạc cấp tỉnh	2016-2017; 2018-2019 ngày 25/02/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	8	[H5-5.2-08]	Danh sách HS dự thi Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh	2015-2016, ngày 01/10/2015; 2017-2018, ngày 15/01/2018; 2019-2020.	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	9	[H5-5.2-09]	Danh sách HS tham dự nghiên cứu KHKT cấp tỉnh, khu vực, toàn quốc	2015-2016, ngày 15/11/2015; 2016-2017, ngày 11/11/2016; 2017-2018, ngày 15/11/2017; 2018-2019, ngày 10/11/2018; 2019-2020, ngày 15/11/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	10	[H5-5.2-10]	Danh sách HS tham dự sáng tạo TTNND cấp tỉnh.	Ngày 10/11/2015; Ngày 10/11/2017; Ngày 10/11/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	11	[H5-5.2-11]	Kết quả HS đạt giải nghiên cứu KHKT cấp tỉnh, khu vực, toàn quốc	2016-2017, Số 1741/QĐ-SGDĐT ngày 10/12/2016	Sở GDĐT An Giang	
	12	[H5-5.2-12]	Kết quả HS đạt huy chương ở Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh	2015-2016; 2017-2018, Số 314/QĐ-SGDĐT, ngày 21/3/2018	Sở GDĐT An Giang	
	13	[H5-5.2-13]	Kết quả HS đạt giải ở Hội thi ca múa nhạc cấp tỉnh	2016-2017, Số 176/QĐ-SGDĐT, ngày 17/3/2017; 2018-2019	Sở GDĐT An Giang	
<b>Tiêu chí 5.3</b>	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy lịch sử địa phương	2019-2020, ngày 29/8/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch giảng dạy địa lý địa phương		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H5-5.3-03]	Giáo trình lịch sử địa phương	2018-2019; 2019-2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H5-5.3-04]	Giáo trình địa lý địa phương		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H5-5.3-05]	Báo cáo cập nhật số liệu Địa lí An Giang		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H5-5.3-06]	Các kế hoạch du khảo về nguồn của tổ Lịch sử, Địa lí	Ngày 17/5/2018; Ngày 02/8/2018	BCH Đoàn Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 5.4</b>	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch giảng dạy môn hướng nghiệp của 3 khối	2015-2016 ngày 25/8/2015; 2016-2017 ngày 07/9/2016; 2017-2018 ngày 27/8/2017;	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	



<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2018-2019 ngày 01/10/2018; 2019-2020 ngày 01/10/2019		
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch hướng dẫn học sinh dự tư vấn hướng nghiệp tại Cần Thơ, Tp HCM	Ngày 25/02/2016; Ngày 24/02/2017; Số 32/KH-THPT ngày 22/02/2018; Số 33/KH-THPT ngày 22/02/2019; Ngày 02/01/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch trải nghiệm tại Ốc Eo	Số 98/QĐ-THPT, ngày 23/10/2017	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H5-5.4-04]	Kế hoạch trải nghiệm "Ngày hội 3T"	2018-2019, Số 186/KH-THPT, ngày 30/9/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	5	[H5-5.4-05]	Báo cáo hoạt động trải nghiệm	Ngày 07/9/2020	THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 5.5</b>	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch tuyên truyền pháp luật	2015-2016, ngày 10/09/2015; 2016-2017, ngày 10/9/2016; 2017-2018, ngày 09/02/2017; 2018-2019 Số 182/KH-THPT ngày 19/9/2018; 2019-2020, Số 180/KH-THPT ngày 15/9/2019	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch hưởng ứng Tuần lễ dân số	2015-2016, Số 95/KH-THPT ngày 30/11/2015;	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
				2016-2017, Số 70/KH ngày 10/9/2016; Năm 2017-2018, ngày 10/9/2017; 2018-2019, Số 170/KH ngày 10/9/2018; 2019-2020, Số 88/KH ngày 10/9/2019		
	3	[H5-5.5-03]	Kế hoạch tổ chức Trẩy hội mùa xuân	2015, Số 16/KH-THPT, ngày 15/01/2015; 2016, Số 16/KH-THPT, ngày 05/01/2016; 2017, Số 17/KH-THPT, ngày 13/01/2017; 2018, Số 16/KH-THPT ngày 10/01/2018; 2019, Số 17/KH-THPT ngày 15/01/2019; 2020, Số 16/KH-THPT ngày 15/01/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	4	[H5-5.5-04]	Kế hoạch phòng, chống HIV, các TNXH	Số 2232/SGDDĐT-CTTT, ngày 21/11/2016; Số 756/SGDDĐT-CTTT, ngày 24/5/2017; Ngày 15/6/2018; Ngày 03/6/2019; Ngày 03/6/2020	Sở GDĐT An Giang; Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H5-5.5-05]	Kế hoạch bảo vệ môi trường	Ngày 03/6/2016; Ngày 03/6/2017; Ngày 03/6/2018; Ngày 03/6/2019; Ngày 03/6/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	6	[H5-5.5-06]	Bộ quy tắc ứng xử văn hóa học đường	Số 142/QĐ-THPT, ngày 22/8/2018	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	7	[H5-5.5-07]	Nội quy học sinh		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	8	[H5-5.5-08]	Hướng dẫn học sinh tự đánh giá điểm hạnh kiểm	Ngày 20/9/2015; Ngày 20/8/2016; Ngày 25/8/2017; Ngày 20/8/2018; Ngày 15/8/2019; Ngày 20/8/2020	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	9	[H5-5.5-09]	Sổ thi đua của các lớp		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	10	[H5-5.5-10]	Bảng tổng hợp kết quả cuộc thi KHKH, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	Số 26/QĐ-BCCCT, ngày 02/12/2016; 2014-2019 ngày 25/12/2019	UBND Tỉnh An Giang; Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
<b>Tiêu chí 5.6</b>	1	[H5-5.6-01]	Thống kê kết quả giáo dục 2 mặt 5 năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	
	2	[H5-5.6-02]	Thống kê tỉ lệ HS lên lớp, TN-THPT 5 năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

<b>Tiêu chí</b>	<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
	3	[H5-5.6-03]	Thống kê tỉ lệ HS lưu ban, bỏ học 5 năm		Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	